

**Đại Phương Quảng Phật  
Hoa Nghiêm Kinh  
Phẩm thứ mười một,  
Tịnh Hạnh Phẩm  
Phần 1  
大方廣佛華嚴經  
(十一) 淨行品**

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không  
Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội  
Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005  
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa  
Giáo duyệt: Đức Phong, Huệ Trang và Minh Tiến

**Lời trân tình**

*Có lẽ không một Phật tử Đại Thừa nào không biết kinh Hoa Nghiêm là một bộ kinh vô cùng cao sâu, huyền diệu, thường được xưng tụng là “cảnh giới của các vị Pháp Thân Bồ Tát, là căn bản pháp luân của Phật pháp”. Trước nay, đã có nhiều vị pháp sư hoặc thiện tri thức giảng giải kinh này, nhưng có lẽ, theo sự thấy biết hạn hẹp của mặt nhân, chưa có vị nào chú trọng giảng giải kinh này theo quan điểm của pháp môn Niệm Phật. Các bài giảng về kinh Hoa Nghiêm của lão sư phụ Tịnh Không quá dài, quá rộng, quá sâu, chẳng thể nào có đủ thời gian để chuyển ngữ toàn bộ sang tiếng Việt được. Chúng tôi quyết định chọn chuyển ngữ phẩm Tịnh Hạnh này, vì đây là một phẩm kinh có mối quan hệ thân thiết với sự hành trì trong cuộc sống của mỗi liên hữu Tịnh Độ chúng ta. Đối với mỗi hành vi, mỗi cử chỉ, kinh đều dạy những cách quán tưởng, suy niệm tương ứng, khiến cho tâm tưởng của chúng ta luôn trụ trong tịnh niệm. Trong sự hiểu biết hạn hẹp của chúng tôi, dường như phần lớn những bài kệ trong Tỳ Ni Nhật Dụng đều trích từ phẩm này. Ba câu Tam Tự Quy trong khóa tụng hằng ngày cũng trích từ phẩm này. Có lẽ sau phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phẩm Tịnh Hạnh có lợi ích to tát đối với hành nhân Tịnh nghiệp vì nó giúp cho chúng ta luôn dấy khởi tịnh niệm trong từng hành động bình phàm trong cuộc sống. Mặt nhân trộm nghĩ, phẩm Tịnh Hạnh chính là những hướng dẫn cụ thể để có thể vận dụng Phổ Hiền Hạnh Nguyện trong cuộc sống hằng ngày, tối thiểu là thực hiện năm nguyện đầu. Thêm nữa, do vị tổ thứ bảy của Tịnh Tông là Tịnh Thường đại sư đã tự trích máu chép phẩm Tịnh Hạnh, và đặt tên Liên Xã do ngài sáng lập là Tịnh Hạnh Xã, càng đáng cho chúng ta quan tâm học tập phẩm kinh này. Thượng nhân thượng Tịnh hạ Không giảng phẩm này từ tập 1463 đến tập 1576 mới hoàn tất. Do Ngài dùng bản chú giải Hoa Nghiêm Kinh Sớ của Thanh Lương đại sư và Hoa Nghiêm Hợp Luận của Lý Trường Giả để giảng phẩm này, cảnh giới và ngôn từ quá sâu, văn tự của Tổ và Lý đại sĩ quá gọn, quá súc tích, mặt nhân khôn xiết sợ hãi, chỉ sợ chính mình do nghiệp chướng sâu dày, đầu óc tăm tối, tam độc lừng lẫy, sẽ chuyển ngữ lời Tổ, lời thầy sai be bét, đến nỗi vô hình trung biến cam lộ*

*thành độc dược, nhưng vì lòng tham pháp, cứ đánh liều chuyển ngữ. Ngưỡng mong Tam Bảo từ bi gia hộ, chẳng đến nỗi tạo nên nghiệp chướng trọng đại, hại mình, hại người, tội khôn xiết kể! Nếu việc làm liều lĩnh này có thể giúp ích phần nào cho sự tu trì của các liên hữu, nguyện do công đức ấy, sẽ cùng nhau vãng sanh Cực Lạc.*

*Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu, hiệp chưởng kính bạch*

### **Tập 1463**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem kinh bản “*phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một*”. Trong phần Sớ, Thanh Lương đại sư đã khai thị:

**(Sớ) Thích thứ nhất phẩm, ngũ môn phân biệt, sơ lai ý.**

**(疏)釋此一品，五門分別，初來意。**

*(Sớ: Giải thích phẩm này, chia thành năm môn khác nhau. Thứ nhất là ý nghĩa vì sao có phẩm này).*

Vì sao có phẩm này? Phẩm kinh này do đâu mà có? Chúng ta học tập, trước hết phải biết điều này. Đại sư bảo:

**(Sớ) Lai ý giả, phù dục giai diệu vị, tất tư thắng hạnh. Hữu Giải vô Hạnh, hư phí đa văn. Cố tiền phẩm minh Giải, thứ phẩm biện Hạnh.**

**(疏)來意者，夫欲階妙位，必資勝行，有解無行，虛費多聞。故前  
品明解，此品辨行。**

*(Sớ: Ý nghĩa duyên khởi của phẩm này: Phàm muốn đạt lên địa vị mẫu nhiệm, ắt phải cậy vào hạnh thù thắng. Có Giải mà chẳng có Hạnh, sẽ phí uổng đa văn. Do vậy, phẩm trước phẩm này (tức phẩm Bồ Tát Văn Minh) nói về Giải, phẩm này biện định Hạnh).*

[Lời Sớ của phẩm này] tổng cộng có ba đoạn, đây là đoạn thứ nhất. Học Phật thì mục tiêu của chúng ta là mong làm Phật, mong thành Phật. “*Dục*” (欲) là chúng ta mong mỏi, “*giai*” (階) là hy vọng đạt tới, [tức là] đạt tới quả vị Như Lai. Nếu muốn đạt tới quả vị ấy, nhất định phải cậy vào sự tu hành thù thắng. Có Giải mà chẳng có Hạnh, xác thực là sẽ phí uổng công sức đa văn! Chúng ta học tập hằng ngày, học rồi thì sao? Chẳng làm được! Chẳng làm được thì cũng như chẳng nghe!

Nếu đối với kinh Hoa Nghiêm, từ quyển thứ nhất đã khởi sự học tập rất nghiêm túc, công phu của chúng ta nhất định là sẽ từng bước theo kinh văn mà nâng cao. Quý vị đều làm được [những gì kinh đã dạy] thì mới được! Chẳng làm được, vậy thì sao được? Nói thật ra, nếu chẳng làm được, chẳng thà không giảng! Phí phạm lắm lời lẽ như thế để làm gì? Phàm những gì chúng ta mong học tập,

đều phải là thật sự có thể làm được. Chính vì như thế, tại Đài Loan, khoảng hơn ba mươi năm trước, [tức là] vào năm Dân Quốc sáu mươi (1971) ở Đài Loan. Hiện thời, dường như là năm Dân Quốc chín mươi mấy<sup>1</sup>, chín mươi mấy thì tôi cũng không biết. Hơn ba mươi năm trước, chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm lần thứ nhất. Vì thường ra nước ngoài, thời gian ở Đài Loan hoàn toàn chẳng nhiều; trong một năm, nói chung là hai phần ba thời gian là ở ngoại quốc. Do vậy, trải qua mấy phen gián đoạn, tôi nhớ đại khái đã mười lăm, mười sáu năm mà kinh chỉ giảng được một nửa. Tôi nhớ là đã giảng đến phẩm Thập Hồi Hương [trong Bát Thập Hoa Nghiêm]. Khi ấy, giảng đồng thời Bát Thập [Hoa Nghiêm] và Tứ Thập [Hoa Nghiêm], Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng được một nửa.

Về sau, duyên của kinh Vô Lượng Thọ chín muôi. Đối với công án này, nhà Phật nói là “*công án*” (公案), người thế gian chúng ta nói là “*cổ sự*” (故事), tức là chuyện trong quá khứ. Sau khi tôi xuất gia một hoặc hai năm, tôi lại quay về Đài Trung để thân cận thầy Lý. Tôi cảm thấy những thứ mình đã học vẫn chưa đủ. Trước khi xuất gia, tôi theo lão nhân gia một năm ba tháng (mười lăm tháng), học chẳng ít. Trong mười lăm tháng, học mười ba bộ kinh nhỏ, phân lượng đều rất ngắn. Học được mười ba bộ kinh nhỏ, đương nhiên là đã đủ để dạy tại Phật Học Viện rồi. Pháp sư Bạch Thánh mở Phật Học Viện, mời tôi đến dạy. Vì thế, vừa xuất gia xong, tôi bắt đầu giảng kinh, dạy học. Mỗi học kỳ, dạy một bộ kinh, tôi có thể giảng mười ba bộ kinh. Do vậy, Phật Học Viện ba năm là tốt nghiệp, mới dùng sáu bộ, hãy còn bảy bộ chưa dùng tới. Nói theo lẽ thường, kể như cũng được lắm! Nhưng chúng tôi cảm thấy Phật pháp mênh mông như biển cả, hưởng thụ đôi chút từ những bộ kinh nhỏ ấy [dường như chưa thỏa mãn]. Người thế gian nhấn mạnh sự ham muốn hiểu biết, nhu cầu hiểu biết của chúng tôi xác thực là chẳng có cách nào thỏa mãn được!

Hình như là sau khi xuất gia ba năm, tôi quay lại Đài Trung, lại muốn học từ thầy một bộ kinh lớn, [trước đó], tôi đã học toàn là những bộ kinh nhỏ. Thầy cũng rất hoan hỷ, cho nên khi đó, thầy đưa cho tôi kinh Vô Lượng Thọ. Tôi thấy đó là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư do lão nhân gia đích thân viết lời mi chú<sup>2</sup>. Khi Ngài giảng bộ kinh ấy tại Đài Trung, [thời gian] đã lâu lắm rồi, [lúc ấy] chúng tôi chưa biết Ngài. Vì là bản kinh do chính Ngài đã giảng trước kia, Ngài có viết lời chú giải của chính mình [trong đó]; bởi lẽ, bộ kinh ấy chẳng có sách chú giải, vì cụ Hạ mới hội tập mà! Khi đó, tôi đọc lời chú giải của cụ, rất hoan hỷ. Tôi có thể đọc hiểu, cũng rất mong giảng [bộ kinh ấy], thầy liền ngăn cấm: “Chưa thể được!” Tôi cũng không biết vì sao chẳng thể. Về sau, biết là do có những vị lão pháp sư chẳng tán thành kinh ấy, [thầy] sợ họ sẽ phê bình, tôi vừa mới xuất gia, chẳng thể chống đỡ nổi! Thời tiết nhân duyên chưa đến; vì thế, buông xuống chuyện ấy!

---

<sup>1</sup> Hòa Thượng giảng phẩm này vào năm 2005, chính là năm Dân Quốc 94.

<sup>2</sup> Mi chú (眉註): Lời chú giải viết bằng cỡ chữ nhỏ hơn ngay trên đầu một câu hoặc một đoạn văn, mang tính cách ghi note để nhớ những ý nghĩa sẽ nói khi giảng giải, không phải là viết một tác phẩm chú giải hoàn chỉnh.

Sau khi từ bỏ ý định ấy, tôi theo Ngài học kinh Kim Cang và kinh Lăng Nghiêm, vẫn một mực không để ý tới nữa. Mãi cho đến khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở Mỹ, lại tìm được bộ kinh ấy trong rương sách cũ. Tìm thấy, rất hoan hỷ. Thầy đã vãng sanh, rất nhiều người chưa từng thấy bản ấy. Tôi tính in ra, chia ra gửi tặng mọi người để kỷ niệm thầy. Nào ngờ người hưởng ứng rất đông. Thuở ấy, in tới một vạn bản, rất khó có! Bản ấy vừa được lưu thông tại ngoại quốc, có nhiều đồng tu đến thưa với tôi: “Thưa pháp sư! Kinh này hay quá”. Họ tới thỉnh cầu tôi giảng bộ kinh ấy, tôi cũng bắt đầu nghiêm túc học tập. Đọc kỹ càng lời tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, biết chỗ thù thắng của bộ kinh ấy. Chỗ đặc biệt thù thắng là như cư sĩ Bàn Tế Thanh đã nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm*”. Do vậy, bèn ngưng kinh Hoa Nghiêm lại đó. Tôi nghĩ [chính mình sẽ] chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, hy vọng suốt một đời chuyên đồ công đốc sức nơi một bộ kinh. Xác thực là khởi sự từ thuở đó, tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần. Lần cuối cùng, giảng ở Tân Gia Ba vẫn chưa xong; lần này là lần thứ mười một, giảng lần này khá tỉ mỉ. Giống như hiện thời đã giảng đến phẩm Tam Bối Vãng Sanh, đã giảng đến phẩm ấy, mà phẩm ấy cũng còn chưa giảng xong. Giáo nghĩa của kinh ấy và kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn tương đồng, nhưng phân lượng được thu nhỏ trên một mức độ to lớn. Vì thế, tôi chẳng có ý nguyện giảng kinh Hoa Nghiêm lần nữa!

Lần này, Hàn quán trưởng vãng sanh. Trước khi bà vãng sanh hai ba ngày, lại một lần nữa yêu cầu tôi hãy giảng kinh Hoa Nghiêm một lượt. Chúng tôi cũng không ngờ bà ta sẽ ra đi, chỉ vì muốn an ủi bà, bèn đáp ứng: “Hy vọng bà chóng lành bệnh, tôi sẽ giảng kinh, bà sẽ đến hộ trì”. Đáp ứng như thế, chẳng ngờ hai ba ngày sau, bà thật sự qua đời. Do vậy, [giảng kinh] Hoa Nghiêm lần này là do bà ta khái thỉnh. Bà hy vọng lưu lại một bộ băng thâu hình đầy đủ để hàng hậu học dùng làm tham khảo, cũng là dụng tâm lương khổ! Rõ ràng là biết chẳng làm được, vẫn phải giảng bộ kinh này viên mãn. Bộ kinh này có tất cả ba mươi chín phẩm; hôm nay, chúng tôi giảng đến phẩm thứ mười một. Sau phẩm ba mươi tám là phẩm ba mươi chín, kinh vẫn rất dài. Phẩm cuối chính là phẩm Nhập Pháp Giới, tức Tứ Thập Hoa Nghiêm. Phẩm ấy gồm bốn mươi quyển, tựa đề của phẩm ấy là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bát Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Tôi nghĩ rất nhiều đồng học rất quen thuộc tựa đề kinh ấy. Do vậy, nói theo toàn thể phân lượng, chúng tôi giảng đến chỗ này, đại khái là một phần mười của cả bộ kinh. Đối với một phần mười, gần như chúng tôi đã tốn hơn ba ngàn giờ. Muốn giảng viên mãn phần kinh vẫn sau đó, tối thiểu còn phải mất một vạn giờ. Mỗi ngày, chúng tôi giảng bốn tiếng đồng hồ, một năm giảng ba trăm ngày, phải mất mười năm thì mới có thể viên mãn. Tiến độ (進度, tốc độ tiến triển) trong phần sau đương nhiên là phải tăng nhanh hơn.

Nhưng đã học, nhất định là phải sử dụng được thì chúng ta mới có thể hưởng lợi ích. Học rồi chẳng làm được, vô dụng! Chúng ta chớ nên không lưu ý điều này! Thực hiện từ nơi đâu? Trong mấy năm qua, chúng tôi đã phản tỉnh rất sâu: Vì sao đệ tử Phật môn ngay cả Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện đều chẳng

làm được? Chẳng làm được, sẽ chẳng phải là đệ tử thật sự của đức Phật! Là đệ tử thật sự của đức Phật, lẽ đâu chẳng làm được? Các đồng học bất luận tại gia hay xuất gia, tôi hỏi quý vị: “Quý vị có mong chính mình làm được hay không?” Đều mong muốn, nhưng chẳng có một ai làm được. Vì sao chẳng làm được? Trong có phiền não, ngoài có ác duyên và chướng duyên, quý vị chẳng có cách nào làm được. Do vậy, chúng tôi nghĩ trong giới kinh, đức Thế Tôn đã dạy: Học Phật mà trước hết chẳng học từ Tiểu Thừa, “*bát tiên học Tiểu Thừa, hậu học Đại Thừa, phi Phật đệ tử*” (chẳng trước là học Tiểu Thừa rồi sau đó học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử của đức Phật). Học Phật có thứ tự! Ở chỗ thầy Lý, tôi học mười ba bộ kinh, đại đa số đều là kinh Tiểu Thừa. Tôi học bộ đầu tiên là A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, bộ thứ hai là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Tôi chỉ học với thầy năm bộ, nhưng thầy dạy các đồng học khác, tôi đều nghe. Thuở ấy, trí nhớ rất tốt. Sau khi nghe xong, gần như là tối thiểu có thể ghi nhớ từ chín mươi phần trăm trở lên. Do vậy, nghe xong, gần như là tôi có thể giảng lại, chẳng khác thầy cho mấy, có năng lực ấy. Sau đó, sau khi đã xuất gia, lại quay về Đài Trung theo thầy Lý học kinh Kim Cang và kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm.

Sau khi rời khỏi Đài Trung, mấy người bạn học cũ chúng tôi liên danh (tôi là một người trong số đó) thỉnh thầy Lý giảng kinh Hoa Nghiêm. Mục đích là gì? Kinh Hoa Nghiêm rất dài, nếu chưa giảng xong, nói chung, thầy sẽ chẳng thể ra đi. Ngài cũng nêu ra ý định: “*Giảng kinh Hoa Nghiêm viên mãn, ta giảng bộ kinh Di Đà một lần nữa rồi vãng sanh*”. Chúng tôi nghe nói vậy, rất vui sướng. Thỉnh thầy giảng kinh Hoa Nghiêm là để giữ thầy trụ thế. Tình trạng sức khỏe của thầy hết sức tốt đẹp. Chúng tôi phỏng đoán, đoán rằng thầy tối thiểu có thể sống đến một trăm hai mươi hoặc một trăm ba mươi tuổi, căn cứ trên tình trạng sức khỏe của Ngài. Nào ngờ, đúng là có rất nhiều chuyện mà chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng được, chính Ngài cũng chẳng ngờ tới: Bị ngộ độc thức ăn. Vì thế, ăn thứ gì cũng phải chú ý cẩn thận. Ngài bị ngộ độc thức ăn hai lần. Dầu sao Ngài đã chín mươi bảy tuổi, tuổi tác quá cao, nay chúng ta nói là “sức đề kháng suy yếu”. Hai lần bị ngộ độc thức ăn, thể lực suy yếu với một mức độ to lớn, cho nên Ngài ra đi như thế đó. Vì thế, nay tôi tiếp tục hoàn thành bộ kinh này, lưu lại một bộ băng âm hình. Hiện thời, băng âm hình đã làm thành CD/DVD. Quanh tôi chẳng có ai học, tôi tin tưởng là sau này: Có người có được đĩa CD/DVD ấy, sẽ học tập, nhất định là sẽ có cái duyên ấy.

Trong tháng Tám, tôi đến thăm Ấn Ni (Indonesia), đây là lần thứ bảy tôi sang Ấn Ni. Pháp sư Định Thịnh hết sức khó có! Tôi tặng thầy ấy sáu mươi bộ Đại Tạng Kinh. Trước mặt tôi, thầy đã phân phát cho các đạo tràng Phật giáo tại Ấn Độ Ni Tây Á (Indonesia). Năm mươi ba đạo tràng, chia cho mỗi đạo tràng một bộ. Chúng tôi thấy vậy rất hoan hỷ. Nghi thức rất long trọng! Hình như thầy ấy tìm bốn trăm tám mươi người, đối với bốn bộ Đại Tạng Kinh, mỗi người đội trên đầu một quyển, nghênh tiếp Đại Tạng Kinh. Hôm ấy, tứ chúng đồng học gần tới hai ngàn người, sắp thành hàng dài hai cây số. Báo chí và giới truyền thông của họ đều đến chụp hình, quay phim, đài truyền hình đưa tin hình như đến sáu phút, hết sức cảm động lòng người. Chánh phủ Ấn Độ Ni Tây Á thấy vậy cũng

rất xúc động. Bộ Tôn Giáo của họ tìm tôi, hy vọng tôi biếu tặng họ hai trăm bộ Đại Tạng Kinh nữa. Tôi nhận lời, có thể là đã gửi đi rồi! Hai trăm bộ ấy (Ấn Ni có năm tôn giáo, xứ ấy văn hóa đa nguyên), có thể chia ra gửi tặng các thư viện, đại học và các đạo tràng tôn giáo khác, hết sức có ý nghĩa!

Ngôi chùa của pháp sư Định Thịnh có tên là Nhất Thừa Tự. Thầy hết sức hy vọng có thể lập Phật Học Viện, bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp, tìm đến tôi. Tôi nói: “A! Chùa của thầy có tên là Nhất Thừa Tự, phải nên dạy kinh Nhất Thừa”. Kinh Nhất Thừa là kinh gì? Chư vị phải biết: Đại Thừa là sở học của Bồ Tát, Tiểu Thừa là sở học của Thanh Văn và Duyên Giác. Nhất Thừa là đạo thành Phật. Ở đây, [lời Sớ] viết là “*dục giai diêu vị*” (muốn đạt tới địa vị màu nhiệm), “*diêu vị*” (妙位) chính là Nhất Thừa. Trong Tạng Kinh, kinh Nhất Thừa chỉ có ba bộ, chớ nên không biết điều này! Bộ thứ nhất là Hoa Nghiêm, bộ thứ hai là Pháp Hoa, tức Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, bộ thứ ba là kinh Phạm Võng. Ba bộ kinh ấy là kinh Nhất Thừa. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Do vậy có thể biết: Đại Thừa, Tiểu Thừa, Tam Thừa, và Ngũ Thừa đều là do đức Phật nói phương tiện. Nói chân thật sẽ là Nhất Thừa. Chỉ có pháp Nhất Thừa!

Tôi nói: “Hiện thời, tôi đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Nếu thầy mở Phật Học Viện, hãy chuyên dạy kinh Hoa Nghiêm, chùa Nhất Thừa mà! Tôi sẽ không đến dạy, chẳng có cách nào hết. Tôi gửi CD/DVD tặng thầy, thầy có thể chiêu sinh. Mỗi ngày để cho học trò nghe kinh bốn tiếng đồng hồ, nghiên cứu, thảo luận hai tiếng đồng hồ, viết báo cáo sau khi nghe kinh hai tiếng đồng hồ nữa. Mỗi ngày [học kinh, nghiên cứu kinh] tám tiếng đồng hồ. Sáng tối niệm Phật bốn tiếng đồng hồ. Trong ba năm, Phật Học Viện của thầy chắc chắn có thành tựu”. Thầy ấy nghe nói như vậy, cũng rất hoan hỷ. Trong chùa của thầy ấy, có khoảng hai mươi mấy vị pháp sư trẻ tuổi, đều đến từ Trung Hoa. Tôi thấy vậy, rất hoan hỷ. Tôi nói: “Dùng phương pháp ấy để dạy bảo những người trẻ tuổi ấy, đó là học kinh giáo. Học kinh giáo thì phải y giáo tu hành. Tu hành khởi đầu từ chỗ nào? Khởi đầu bằng Đệ Tử Quy”. Tôi đặc biệt nhấn mạnh: “*Đệ Tử Quy thay cho Tiểu Thừa*”. Chẳng có Đệ Tử Quy thì Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện của quý vị sẽ chẳng làm được, đúng như [lời Sớ] ở đây đã nói “*hữu Giải vô Hạnh, hư phí đa văn*” (có Giải mà chẳng có Hạnh, uổng phí công sức đa văn). Nghe kinh Hoa Nghiêm mà chẳng làm được, lãng phí thời gian vô ích! Do vậy, phải khởi sự thực hiện bằng Đệ Tử Quy, đòi hỏi các đồng học phải thực hiện [Đệ Tử Quy] một trăm phần trăm! Sau khi đã thực hiện Đệ Tử Quy, nhất định phải thực hiện Thập Thiện Nghiệp, tức là phải làm được [các giáo huấn trong] kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Làm được hai thứ ấy, sẽ là đệ tử tại gia của đức Phật.

Chư vị phải biết: Trong xã hội Trung Hoa cổ xưa, Đệ Tử Quy chẳng phải là sách giáo khoa trong nhà trường. Đệ Tử Quy là điều kiện cơ bản để làm người. Quý vị có biết làm người hay không? Quý vị có gia giáo hay không? Gia giáo là dạy những gì? Chính là Đệ Tử Quy; ai dạy? Cha mẹ, huynh trưởng. Tôi đã nói chuyện này bao nhiêu lần, bắt đầu dạy từ khi nào? Trẻ thơ sanh ra ba bốn ngày,

đã mở mắt ra, tai đã dựng thẳng lên, nó đã có thể thấy, có thể nghe! Trước mặt con thơ, lời lẽ và cử chỉ của cha mẹ chính là Đệ Tử Quy. Họ hoàn toàn làm được để cho con thơ trông thấy, nó có thể thấy, có thể nghe đấy nhé! Từ lúc sanh ra, nghe suốt đến ba, bốn tuổi, nó sẽ hiểu biết đạo làm người, rất có quy củ. Vì thế, đó là gia giáo, là văn hóa của Trung Hoa, của người Hoa!

Hiện thời, nền gia giáo của chúng ta đã bị gián đoạn đại khái bảy, tám mươi năm. Thời gian bảy, tám mươi năm là ba thế hệ. Cả ba thế hệ đều chẳng học, cho nên xã hội hiện thời loạn mất rồi! Con cái bất hiếu. Quý vị thấy bao nhiêu kẻ làm cha mẹ kêu ca “con cái chẳng vâng lời”, người làm thầy than “học trò chẳng thể dạy”. Khổ khôn kể xiết! Học trò chẳng thể dạy, con cái chẳng nghe lời, một trăm năm trước chẳng thấy nói kiểu ấy! Gần đây nhất mới có hiện tượng này! Từ bé đến lớn đã chẳng trông thấy những tấm gương tốt đẹp. Từ xưa, ngạn ngữ đã có câu: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (Dưỡng thành từ bé, sẽ giống như bẩm tánh, do thói quen mà trở thành tự nhiên). “*Giáo nhi anh hài*” (Dạy con từ thuở còn thơ), dạy con bắt đầu từ lúc mẵng sữa, chẳng đợi cho nó tròn hai, ba tuổi. [Đợi đến hai, ba tuổi mới dạy] thì trễ rồi, đã quá trễ! Dạy con từ thuở còn thơ! Ba, bốn tuổi nó đã được vun bồi cội gốc. Cổ nhân thường nói “*tam tuế khán bát thập, thất tuế khán chung thân*” (từ ba tuổi mà thấy được tình hình một người vào lúc tám mươi, từ tình hình lúc bảy tuổi mà thấy được nhân cách suốt đời của một người). Quý vị bèn hiểu: Từ lúc ba tuổi, căn bản đã được kiến lập, tức là “*thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*”. Khi bảy tuổi, thói quen đã trở thành tự nhiên, sẽ không biến đổi nữa. Đối với thuận cảnh hay nghịch cảnh, kẻ ấy đều có trí huệ để có thể phân biệt, có định lực nên chẳng bị ô nhiễm. Đấy chính là điểm đặc sắc trong nền giáo dục Trung Hoa. Đáng tiếc là hiện thời chúng ta đã vứt bỏ [gia giáo] cả ba thế hệ!

Ba thế hệ cũng không kể là quá ngắn, mà cũng chẳng coi như quá dài. Hiện thời, muốn cứu vãn vẫn còn kịp! Thật sự phát đại tâm, khởi sự cứu vãn từ chỗ nào? Hãy bắt đầu thực hiện từ chính mình! Cũng nhất định là phải mong sao chính mình hoàn toàn thực hiện Đệ Tử Quy. Ta có làm được thì mới có thể ảnh hưởng người khác. Ta chẳng làm được, đòi hỏi kẻ khác thực hiện, chẳng thể nào! Người ta sẽ hoài nghi, sẽ chất vấn: “Quý vị nói chuyện này tốt đẹp lắm, bảo tôi làm. Có sao chính quý vị chẳng làm?” Trẻ nhỏ hiện thời rất thông minh, chính quý vị chẳng làm được, nó sẽ chất vấn quý vị: “Vì sao quý vị chẳng làm được? Quý vị chẳng làm được, sao lại dạy tôi?” Người làm thầy, chính mình đích thân làm được, học trò sẽ chẳng nói gì, chẳng thể nào không tuân phục! Hai năm gần đây nhất, trong nước có những đồng học làm công tác giáo dục nhi đồng, đã làm rất thành công, do nguyên nhân nào? Bản thân họ đã làm được! Chúng tôi cũng nghe nói có rất nhiều nơi vận động nhi đồng đọc kinh. Sau khi làm được vài năm đều thất bại, nảy sinh rất nhiều vấn đề. Do nguyên nhân nào? Chính mình chẳng làm được, học Phật càng chẳng cần phải nói nữa!

Nếu chúng ta thật sự mong “*dục giai diệu vị*”, phải tu đại hạnh. Đại hạnh là Bồ Tát Hạnh, phải “*phát Bồ Đề tâm, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Phải phát đại Bồ Đề tâm, quý vị mới có thể học thành Bồ Tát. Học Phật thì còn

phải kể thêm Phổ Hiền Hạnh. Kinh Đại Thừa đã nói chuyện này rất rõ ràng: Bồ Tát chẳng tu Phổ Hiền Hạnh, sẽ chẳng thể chứng đắc Phật quả rốt ráo. Muốn chứng đắc Phật quả rốt ráo, quý vị nhất định phải tu Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền Hạnh ở chỗ nào? Hôm nay, chúng ta học Đệ Tử Quy của Phổ Hiền Hạnh, [phẩm Tịnh Hạnh] giống như Đệ Tử Quy trong văn hóa Trung Hoa. Phẩm Tịnh Hạnh gồm một trăm bốn mươi một bài kệ, mỗi câu kệ có bốn chữ. Một bài kệ gồm mười sáu chữ, màu nhiệm chẳng thể nói trọn! Ở đây, [lời Sớ viết] “*tát tư thắng hạnh*” (ắt phải nhờ vào hạnh thù thắng). “*Thắng*” (勝) là thù thắng. Hạnh Bồ Tát thù thắng, chẳng phải là hạnh Bồ Tát bình phàm! “*Tư*” (資) là nhờ vào, nhất định phải nhờ vào hạnh Bồ Tát thù thắng. Nói theo cách hiện thời, nhất định là phải có đủ sự hành trì thù thắng của bậc Bồ Tát thì quý vị mới có thể lên cao tới địa vị Phật.

Địa vị Phật cao cỡ nào? Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là địa vị Phật. Nói theo Lý, đoạn hết thấy chấp trước, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, đoạn phân biệt đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, đây là Bồ Tát hạnh. Đã đoạn chấp trước mà còn có phân biệt thì là hạnh Tiểu Thừa. Tiểu Thừa đoạn chấp trước, Đại Thừa đoạn phân biệt, Nhất Thừa là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Bắt đầu thực hiện từ nơi đâu? Từng ly, từng tý trong cuộc sống hằng ngày, quý vị phải biết chuyển cảnh giới như thế nào! Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dạy rất hay: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển vật, sẽ giống như Như Lai). Tôi thường trích dẫn câu này, thay đổi một chữ. Tôi thường nói: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*”. Vì hiện thời ai nấy đều nói đến cảnh giới, [nên tôi nói là] “*nếu có thể chuyển cảnh*”. Nói “*chuyển vật*” thì người hiện thời chẳng thấy dễ hiểu cho lắm. Nói “*chuyển cảnh giới*”, có lẽ mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống như Như Lai. Quý vị phải biết chuyển!

Một trăm bốn mươi một bài kệ ở đây chính là nêu ra những trường hợp tiêu biểu, nhằm dạy chúng ta cách chuyển như thế nào? Bất luận cảnh giới nào cũng đều có thể chuyển biến thành cảnh giới nơi quả địa của Như Lai, tối thiểu cũng là [cảnh giới của] Pháp Thân [đại sĩ], tức là chứng một phần cảnh giới của Như Lai. Đối với “*chư Phật*” được nói trong kinh Kim Cang, quý vị thấy cư sĩ Giang Vị Nông chú giải: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ chính là chư Phật. Điều này cũng rất đáng kể. Chư vị phải hiểu: Đại Thừa thuộc về tứ thánh pháp giới. Trong mười pháp giới, Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới thuộc Đại Thừa. Tiểu Thừa là Thanh Văn pháp giới và Duyên Giác pháp giới. Thanh Văn và Duyên Giác là Tiểu Thừa, Bồ Tát và Phật là Đại Thừa. Nhất Thừa thì sao? Nhất Thừa chẳng thuộc trong mười pháp giới, Nhất Thừa là Nhất Chân pháp giới. Theo kinh Hoa Nghiêm, Nhất Chân pháp giới là từ Sơ Trụ của Viên Giác trở lên! Nay chúng ta đang học phần này chính là địa vị Thập Tín. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín tu viên mãn tâm Thập Tín của Bồ Tát, sẽ tu phẩm Tịnh Hạnh. Tu phẩm Tịnh Hạnh, sẽ lại tiến cao hơn, dựa vào địa vị Phật, biến thành Pháp Thân Bồ Tát. Không



chỉ là vượt thoát lục đạo luân hồi, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Chúng ta chớ nên không hiểu đạo lý và sự thật này!

Vì thế, [Thanh Lương đại sư] bảo: Phẩm trước, tức phẩm [Bồ Tát] Văn Minh nói về Giải môn, khiến cho quý vị khai trí huệ. Phẩm này biện định về Hạnh, trí huệ có thật sự mở mang hay không? Thật sự mở mang, sẽ nhất định là có thể chuyển cảnh giới. Chẳng chuyển cảnh giới được, trí huệ sẽ chẳng mở mang! Vì thế, nhất định là phải có phẩm kinh này. Đã hiểu rõ thì ở đây nhất định là phải biết tu hành, uốn nắn rất nhiều hành vi lầm lạc của chúng ta. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Lại xem [ý nghĩa] thứ hai:

***(Sớ) Hựu tiền minh nhập lý quán hạnh, kim biện tùy sự sở hành.***

**(疏) 又前明入理觀行，今辨隨事所行。**

*(Sớ: Lại nữa, phẩm trước giảng về cách ngộ nhập lý để quán hạnh, nay [phẩm này] biện định cách dựa theo từng sự việc để hành).*

“*Quán*” là để cho quý vị biết tới Pháp Thân Bồ Tát. Chư Phật Như Lai có cách nhìn như thế nào đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian? Chuyện ấy thuộc loại quan sát, tức là Giải. Quý vị biết Phật, Bồ Tát có cách nhìn như thế nào đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian? Phẩm kinh này biện định về “*tùy sự sở hành*”, cũng có nghĩa là: Áp dụng cách nhìn đối với vũ trụ và nhân sinh của Phật, Bồ Tát vào cuộc sống thường ngày trước mắt như thế nào? Cuộc sống thường ngày chính là Sự! Từ sáng sớm thức dậy, mặc áo, ăn cơm, làm việc, cư xử, thù tiếp người khác, đều có thể thực hiện toàn bộ những quan niệm của chư Phật Như Lai. Đây là điều quan trọng. Nếu chẳng thể thực hiện, quý vị chỉ học suông, [như vậy thì] quý vị học rồi có tác dụng gì đâu?

Thật sự hiểu, có thể thật sự thực hiện. Học xong, có thể áp dụng, quý vị sẽ sống cuộc đời gì trong hiện tại? Sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, thật sự được thọ dụng! Trước kia, khi thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi, [cụ đã nói]: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Hưởng thụ cao nhất thì chẳng thể ngừng nơi Giải! Ngừng nơi Giải, quý vị chỉ có thể đạt được ít phần, đọc sách cảm thấy vui sướng, chứ cuộc sống thường ngày thì sao? Cuộc sống thường ngày phải làm sao có thể giống như người đọc sách tại Trung Hoa đã nói: “*Khổng Nhan chi lạc*” (niềm vui của Khổng Tử, Nhan Hối). Khổng phu tử và Nhan Hối đã đọc sách thông suốt, áp dụng vào cuộc sống hằng ngày. Vì thế, Nhan Hối [nghèo tới nỗi phải] ăn cơm trong giỏ, uống nước bằng bầu. “*Cư lậu hạnh, nhân bất kham kỳ ưu, Hối dã bất cải kỳ lạc*” (Ở trong ngõ nghèo hèn, người khác chẳng chịu nổi sự khổ sở ấy, Nhan Hối vẫn vui sướng chẳng thay đổi), thầy (Khổng phu tử) đã tán thán ông ta như vậy đó. Niềm vui của ông ta là gì? Chính là như chúng tôi vừa mới nói ở đây: Chuyển cảnh giới. Chuyện gì cũng đều có thể chuyển, lẽ nào chẳng vui? Đương nhiên là vui. Tự hành, hóa độ người khác, tâm lượng xác thực là trọn khắp pháp giới, hư không giới.

Gần đây, chúng tôi đến thăm đại học Sư Phạm Bắc Kinh ở trong nước. Các vị giáo sư ở đó đã cùng nhau nghĩ ra hai câu viết trên cổng chánh, khi tôi đến thăm đã trông thấy: “*Học vi nhân sư, thân vi thế phạm*” (Học làm thầy người, thân là khuôn mẫu cho cõi đời). Người tiếp đón tôi là vị phó hiệu trưởng. Lúc ấy, tôi nói với thầy phó hiệu trưởng: “Hai câu này chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Họ nghe xong cũng sững sờ! Kinh Hoa Nghiêm là hai câu ấy ư? Bởi lẽ, ngôn, hạnh, cử chỉ của chư Phật Như Lai và hàng Pháp Thân đại sĩ đã nêu gương, tạo khuôn phép cho hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Chúng ta có tâm nguyện ấy hay không? Có tâm nguyện ấy, sẽ có thể học Hoa Nghiêm. Chúng ta thấy Thanh Lương đại sư đã khai thị trong Hoa Nghiêm Kinh Huyền Đàm, Thanh Lương đại sư bảo kinh Hoa Nghiêm có mười loại “*đương cơ*” (當機), tức là những người nào có điều kiện, có tư cách học kinh Hoa Nghiêm. Điều kiện thứ nhất là Pháp Thân Bồ Tát, đương nhiên là chúng ta chẳng có khả năng này. Cứ một mực kể xuống dưới, chẳng có điều kiện nào phù hợp với chúng ta, nhưng điều cuối cùng thật sự nói đến phạm phu! “*Phàm phu*” mà là đại tâm phạm phu thì cũng trọn đủ điều kiện để học Hoa Nghiêm. Đại tâm phạm phu là gì? Chúng ta xác thực có nguyện này, chúng ta mong nêu gương tốt nhất cho hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới.

Sau khi tôi trở về, ghi nhớ hai câu của ngôi trường ấy, tôi cũng sửa lại một chữ. Câu của họ là: “*Học vi nhân sư, thân vi thế phạm*”, tôi đổi “*thân*” thành “*hành*”. Hành (行) là hành vi, bao gồm tư tưởng, ngôn ngữ, tạo tác, có ý nghĩa rộng rãi hơn thân! Tôi nghe nói sau này ngôi trường đó cũng thật sự sửa lại. Một số giáo sư từ trường đó bảo tôi: Hiện thời, trường của họ cũng ghi là “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*”. Tốt lắm, rất khó có. Đó là đại tâm chúng sanh, như vậy thì quý vị cũng có tư cách học Hoa Nghiêm.

Do vậy, tôi thấy chùa Nhất Thừa ở Indonesia. Ở trong chùa Nhất Thừa thì phải đều nên là đại tâm chúng sanh, đại tâm Bồ Tát, nhưng thực hiện nơi Sự, tức là trong cuộc sống hằng ngày, nhất định là Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, và Sa Di Luật Nghi, ba thứ ấy là cơ bản. Đệ Tử Quy là căn bản, là cơ sở của truyền thống giáo dục Trung Hoa. Thập Thiện Nghiệp là căn bản giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật dành cho hết thảy chúng sanh khắp pháp giới hư không giới. Sa Di Luật Nghi dành cho hàng đệ tử Phật, [dành cho] đệ tử xuất gia nhà Phật, chứ chẳng phải là tại gia. Yêu cầu dành cho hàng tại gia là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Yêu cầu đối với hàng xuất gia cao hơn Thập Thiện Nghiệp Đạo một tầng, nghiêm ngặt hơn một tầng, đó là Sa Di Luật Nghi. Chẳng làm được ba thứ ấy, không được rồi! Nhất định phải học hiểu, phải thi hành ba thứ ấy thì mới thật sự là một người xuất gia tốt đẹp, thật sự là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Do vậy, xét theo thứ tự, nhất định sẽ là Đệ Tử Quy thứ nhất, Thập Thiện Nghiệp Đạo thứ hai, Sa Di Luật Nghi là thứ ba. Để là đại tâm chúng sanh, quý vị phải học phẩm Tịnh Hạnh! Quý vị có thể chuyển hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, bất luận thiện duyên hay ác duyên, thuận cảnh hay nghịch cảnh thành cảnh giới Phật. Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy “*cảnh giới Phật rất sâu*”, tốc độ tu hành sẽ rất nhanh chóng. Nếu có thể làm được một trăm bốn mươi một câu trong

phẩm Tịnh Hạnh, nói thật ra, mỗi bài kệ là một câu, một trăm bốn mươi mốt câu đều làm được, chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương thế giới Cực Lạc, thừa cùng chư vị, sẽ chẳng ở trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, mà cũng chẳng thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư, sẽ đến nơi đâu? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm! Nâng cao cảnh giới của quý vị như thế đó!

Trong thế giới Sa Bà, quý vị tốn thời gian vài năm, thật sự làm. Điều then chốt để có thể làm hay không là ở chỗ nào? Then chốt chính là buông xuống. Thật sự buông xuống, sẽ thật sự đạt thành tựu. Do vậy, trong kinh, đức Phật bảo chúng ta: *“Tu hành một ngày trong thế giới Sa Bà bằng tu hành một trăm năm trong thế giới Cực Lạc”*. Thế giới Sa Bà chẳng có gì không tốt, chênh lệch to lớn như vậy là do nguyên nhân nào? Chưống nạn trong thế giới Sa Bà quá nhiều, quý vị chẳng dễ dàng tu được! Dũng mãnh, tinh tấn, trong thế giới này (Sa Bà) dấy lên rồi suy vi rất mạnh; dấy lên cũng mau, mà đọa xuống cũng chóng. Thế giới Cực Lạc chỉ có tiến cao hơn, chẳng có đọa lạc, nhưng tốc độ rất chậm, bình ôn, rất chậm rãi, đạo lý là ở chỗ này. Thế giới Cực Lạc chẳng có lăm phiến não ngàn ấy, chẳng có nghịch duyên nhiều ngàn ấy, chẳng có! Đối với những điều khai thị ấy của đức Phật, chúng ta đều phải nên ghi nhớ. Nếu thật sự hiểu biết, nghiêm túc tu tập, nói thật ra, thế giới Sa Bà cũng là một hoàn cảnh rất tốt đẹp, xác thực là giúp cho chúng ta tiến cao hơn với mức độ to lớn. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi vài phút!

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp câu cuối cùng trong lời Sớ của Thanh Lương đại sư về ý nghĩa vì sao có phẩm kinh này.

***(Sớ) Hựu, tiền Hạnh, thử Nguyện, tịnh nghĩa thứ đệ, cố thứ lai dã.***

***(疏)又前行此願，並義次第，故次來也。***

*(Sớ: Lại nữa, trong phần trước là Hạnh, ở đây là Nguyện, và xét theo thứ tự của ý nghĩa, cho nên kế tiếp là phẩm này).*

Cuối cùng, Ngài cho biết vì sao ở đây có phẩm kinh này, nêu ra nguyên do vì sao nói phẩm kinh này. Trong phần trước, cũng có thể nói về Hạnh, Giải và Hạnh đều coi trọng. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm Sớ, Thanh Lương đại sư đã nói rất hay. Trong phần [giải thích tựa đề kinh] Ngài đã nói: *“Hữu Giải vô Hạnh, tăng trưởng tà kiến. Hữu Hạnh vô Giải, tăng trưởng vô minh”* (Có Giải mà không có Hạnh, tăng trưởng tà kiến. Có Hạnh mà không có Giải, tăng trưởng vô minh), đều chẳng thể thành tựu. Thật sự biết dụng công, nhất định là Giải Hạnh tương ứng. Giải Hạnh hợp nhất: Giải là Hạnh, Hạnh là Giải, Giải là tâm hạnh. Chúng ta nhận biết: Chúng ta tư duy có khá nhiều sai lầm. Đó là hành vi nơi ý nghiệp sai lầm, phải nhờ vào kinh giáo để sửa sang uốn nắn.

Tu hành, quan trọng nhất là ý nghiệp. Tâm đã chánh, ngôn ngữ, và hành trì há có lẽ nào bất chánh? Tâm tà, mong cho ngôn ngữ và hành trì chánh đáng, cũng chẳng thể chánh đáng được! Chư vị hiểu rõ đạo lý này, [sẽ biết] vì sao hiện thời

chúng ta chẳng thể thực hiện Đệ Tử Quy được? Vì sao Thập Thiện Nghiệp chẳng làm được? Then chốt thật sự nằm ở ý nghiệp. Ý nghiệp của chúng ta (tức là tâm lý) bị ô nhiễm nghiêm trọng, phiền não và tập khí quá sâu. Chúng ta nghe thánh nhân giáo huấn, nghe Phật, Bồ Tát dạy bảo, bèn rất hoan hỷ, nhưng chẳng làm được! Chẳng phải là không làm được, mà là do ý niệm chẳng thể chuyển được! Hễ chuyển biến ý niệm, sẽ tu hành chẳng khó! Khi xưa, tôi theo Chương Gia đại sư, lúc hai mươi mấy tuổi, tức là lúc hai mươi sáu, hai mươi bảy, hai mươi tám. Năm Chương Gia đại sư viên tịch, tôi ước chừng đã hai mươi chín tuổi. Lão nhân gia có ảnh hưởng đến tôi rất sâu! Ngài dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Thấy thấu suốt là Giải. Buông xuống là Hạnh. Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống; buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Từ sơ phát tâm cho đến địa vị Như Lai, hễ quý vị nói đến chuyện tu hành, nói chung là chẳng ra ngoài nguyên tắc ấy! Thấy thấu suốt và buông xuống phụ giúp thành tựu lẫn nhau, từng bước tiến cao hơn!

Đôi với Hạnh và Nguyện ở chỗ này, trong Hạnh có Giải, trong Nguyện có Hạnh. Giải, Hạnh, Nguyện là một chẳng hai, tuy một mà ba, tuy ba mà một, nhưng chúng có thứ tự. Trong phần trước là Giải và Hạnh, chỗ này thiên trọng Nguyện, nhưng những điều được nói toàn là trong cuộc sống hằng ngày, tức là Sự. Sự chính là Hạnh! Khi gặp Sự, hãy dùng nguyện lực để chuyển biến nó, sẽ chuyển được cảnh giới. Chúng ta phải học tập điều này! Hiện thời, chúng ta hành theo Sự, chẳng có nguyện lực; vì thế, thuận theo Sự mà cư xử, cho nên điều gì cũng đều là tạo nghiệp! Lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội thì là thiện hạnh, vì tự tư tự lợi thì là ác hạnh. Thiện hạnh cảm phước báo trong ba thiện đạo; ác hạnh cảm khổ báo trong ba ác đạo. Cái tâm luân hồi sẽ tạo nghiệp luân hồi. Quý vị nói xem: Chuyện này có đáng sợ hay chẳng? Tuy đáng sợ, có mấy ai giác ngộ? Có mấy ai quay đầu? Chúng ta hãy tư duy, quan sát cận kề từ chỗ này. Xem xét người khác xong, hãy quay trở lại, hồi quang phản chiếu, chiếu kiến chính mình. Chẳng có những tấm gương bên ngoài ấy, bản thân chúng ta rốt cuộc làm những gì? Chẳng biết! Thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng tôi giới thiệu phần ý nghĩa vì sao có phẩm kinh này tới đây, lại xem tiếp đoạn thứ hai kế đó.

**(Sớ) Thứ thích danh.**

(疏)次釋名。

(Sớ: Kế đó, giải thích tên gọi).

Giải thích tên gọi của phẩm này. Phẩm này là phẩm Tịnh Hạnh.

**(Sớ) Thích danh giả, Cụ Chiết La, thử vân Sở Hạnh. Ba Lợi, thử vân Giai dã, Biến dã. Thú Đề vân thanh tịnh dã.**

(疏)釋名者。具折囉，此云所行，波利，此云皆也，遍也。戍提云清淨也。

*(Sớ: “Giải thích tên gọi, Cụ Chiết La cõi này dịch là Sở Hạnh. Ba Lợi cõi này dịch là đều, là trọn khắp. Thú Đề là thanh tịnh).*

Trên đây là nói về cách phiên âm tiếng Phạn. Cụ Chiết La là phiên âm, nghĩa tiếng Hán là Sở Hạnh. “*Thử vân*”: “*Thử*” (此) là ở chỗ chúng ta, [ý nói] người Hoa dịch [chữ ấy] thành Sở Hạnh. Ba Lợi (Pari) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, “*thử vân giai dã, biến dã*”: Ba Lợi có hai ý nghĩa. Nó có nghĩa là Giai, Giai (皆) là hết thảy. Lại có ý nghĩa là Biến (遍, trọn khắp). Thú Đề (Suddhi) cũng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thanh Tịnh. Quý vị thấy nếu nói theo tiếng Hán sẽ là “*sở hạnh giai biến thanh tịnh*” (hành vi đều trọn khắp thanh tịnh). Văn tự tiếng Hán xác thực là rất đẹp, đã đơn giản hóa thành Tịnh Hạnh. Ý nghĩa trong tiếng Phạn là...

*(Sớ) Vị tam nghiệp tùy sự duyên lịch, danh vi Sở Hạnh. Xảo nguyện phòng phi, ly quá thành đức, danh vi thanh tịnh.*

(疏)謂三業隨事緣歷，名為所行。巧願防非，離過成德，名為清淨。

*(Sớ: Ý nói: Tam nghiệp duyên khắp theo mọi sự, nên gọi là Sở Hạnh. Nguyện hay khéo ngăn ngừa sai trái, lìa lỗi để thành tựu đức, nên nói là “thanh tịnh”).*

Ý nghĩa này hay lắm, rất rõ ràng, rất minh bạch. “*Tam nghiệp*” là thân, miệng, ý. Thân [có các nghiệp, gọi là “thân nghiệp”], khởi tâm động niệm, phân biệt, và chấp trước đều thuộc về tâm, là hành vi nơi ý nghiệp, khẩu nghiệp là ngôn ngữ.

Ngôn ngữ chẳng thể không cẩn thận, chớ nên coi nhẹ ngôn ngữ! Quý vị thấy giáo học của Khổng phu tử có bốn khoa mục, có thứ tự. Thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là chánh sự, thứ tư là văn học. Trong bốn lãnh vực dạy học của phu tử, ngôn ngữ được xếp vào hàng thứ hai. Vì sao? Từ xưa tới nay, tổ tiên của chúng ta đã hiểu rất rạch ròi: “*Khẩu vi họa phước chi môn*” (Miệng là cái cửa dẫn đến họa hay phước), đúng như câu nói: “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*” (Bệnh do miệng mà vào, họa do miệng mà ra). Trung gian gây lây nhiễm bệnh tật, tuyệt đại đa số là do ăn uống không cẩn thận, do thích ăn uống! Thích ăn uống thì sao? Bị ngộ độc thức ăn. Hai ngày qua, tôi còn nghe thấy có đồng học kẻ: Chẳng biết ở chỗ nào, có những kẻ trẻ tuổi, đại khái là do ăn hải sản, hôm sau chết tươi! Tối hôm ấy đi ngủ một giấc, đến sáng ra, chết ngắc, bị ngộ độc thức ăn! Nghiêm trọng là mất mạng, nhẹ hơn thì bị bệnh, mắc chứng bệnh quái lạ, bệnh từ miệng mà vào!

Nhất là trong giai đoạn hiện thời, bước vào mùa Đông, thường là các bệnh ôn dịch phát sanh vào lúc này. Nếu bệnh dịch mùa Đông chuyển biến thành bệnh dịch mùa Xuân, sẽ khá nghiêm trọng. Hôm nay, chúng tôi thấy nhiều nơi đưa tin về dịch cúm gà, rất có thể sẽ kéo dài thành bệnh dịch vào mùa Xuân. Thời gian

dài như thế, từ mùa Đông lan sang mùa Xuân, chuyện này rất nghiêm trọng! Nói theo y học Trung Hoa, sẽ là bệnh dịch mùa Đông chuyển thành bệnh dịch mùa Xuân. Tổ chức Y Tế Thế Giới cũng cảnh cáo: Bệnh dịch truyền nhiễm ấy có thể kéo dài đến mùa Xuân năm sau. Sang mùa Xuân năm sau, càng nghiêm trọng hơn. Vì sao có căn bệnh ấy? Phật pháp nói đến “nhân, duyên, quả báo”. Tuy người thế gian chẳng nói, nhưng trong các tôn giáo đều có nói, Đạo giáo cũng nói rất nhiều, cũng rất tường tận. Đối với phi cầm thú (chim bay, thú chạy), quý vị chẳng từ bỏ thủ đoạn nào để bắt giết chúng, dùng đủ mọi cách để nấu nướng, hòng thỏa mãn cái thói tham ăn của chính mình. Quý vị có nghĩ những chúng sanh ấy sẽ báo thù hay không? Chúng nó có cam tâm tình nguyện bị quý vị mổ xẻ, giết chóc hay không? Chúng nó có cam lòng tình nguyện cúng dường thịt mình cho quý vị hay không? Nếu chúng nó chẳng cam tâm, chẳng tình nguyện, sẽ trở thành chuyện phiền phức rồi! Chúng nó trả thù bằng ôn dịch!

Vì thế, phàm nhân cứ ngỡ lũ lụt, hỏa tai, động đất, bão lốc đều là tai nạn tự nhiên, dường như chẳng dính líu gì đến hành vi trong cuộc sống của loài người chúng ta! Nhưng trong Phật pháp, từ mấy ngàn năm trước, đức Thế Tôn đã thường dạy: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Hỏa tai là một pháp trong hết thảy các pháp, lũ lụt cũng là một loại trong hết thảy các pháp, bão tố vùng Thái Bình Dương, bão tố vùng Đại Tây Dương, lốc xoáy (tornado, vòi rồng) cũng là một trong hết thảy các pháp, động đất, sóng thần (tsunami) vẫn là một pháp trong hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp đều sanh từ tâm tưởng. Ôn dịch cũng thuộc trong hết thảy các pháp, chẳng vượt ra ngoài hết thảy các pháp, thế mà hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, vậy thì [những tai nạn trên đây] có quan hệ với chúng ta hay không?

Đức Phật lại nói rất hay: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Chánh báo là khởi tâm động niệm của chúng ta. Nếu quý vị hiểu rõ câu nói này, mới hiểu Cực Lạc và Sa Bà chẳng hai! Pháp “chẳng hai” là như thế nào? Nếu cư dân trên địa cầu, tâm mỗi người đều thuần tịnh thuần thiện, y báo liền biến thành thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc chẳng có gì khác, người nơi ấy toàn là người niệm Phật, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Nếu toàn thể người trên địa cầu này đều là người niệm Phật, địa cầu này sẽ biến thành thế giới Cực Lạc, chẳng khác gì thế giới Cực Lạc được nói trong kinh điển. Đại địa liền biến thành lưu ly, chẳng phải là đất, cát. Khắp mọi nơi đều là bảy báu, đường sá chẳng trải nhựa đường mà bằng vàng ròng, “*hoàng kim vi địa*” (vàng ròng làm đất). Vàng ròng để trải đường, đường sá lót bằng vàng. Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, y báo chuyển theo chánh báo. Đó là do cộng nghiệp cảm vôi!

Hiện thời, đối với cộng nghiệp, chúng ta chẳng có cách nào. Ai nấy đều biết người trong thế giới Sa Bà khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội, vì sao? Khởi tâm động niệm đều là Thập Ác: Thân giết, trộm, dâm. Khẩu nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, ăn nói thô ác. Ý niệm thì tham, sân, si. Khởi tâm động niệm toàn là Thập Ác. Tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, đáng hãi quá! Do những ý niệm ấy biến chuyển y báo thành những

gì chúng ta nay đang phải tiếp nhận! Trong kinh này, đức Phật sẽ dạy chúng ta chuyển cảnh giới như thế nào, phương pháp quá tốt đẹp!

Tam nghiệp là thân, khẩu, ý. “*Tùy sự*” là trong cuộc sống hằng ngày. Cuộc sống vật chất và cuộc sống tinh thần. “*Duyên*” (緣) là nhân sự, “*lịch*” (歷) là trải qua. Từ sáng đến tối, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, đó là “*sở hành*”. Câu kế tiếp, “*xảo nguyện phòng phi*” (nguyện khéo léo để ngăn ngừa sai trái). Một trăm bốn mươi một bài kệ trong phẩm kinh này chính là một trăm bốn mươi một nguyện. Trong tương lai, quý vị đọc đến phần kinh văn, sẽ thấy câu thứ hai [trong mỗi bài kệ] là “*đương nguyện chúng sanh*” (hãy nên nguyện cho chúng sanh). Đã nguyện cho chúng sanh, đương nhiên thứ nhất sẽ là nguyện cho chính mình. Bài kệ thứ nhất là “*Bồ Tát tại gia, đương nguyện chúng sanh, tri gia tánh không, miễn kỳ bức bách*” (Bồ Tát ở nhà, nguyện cho chúng sanh, biết nhà tánh không, khỏi bị bức bách). Câu thứ hai trong mỗi bài kệ đều là “*đương nguyện chúng sanh*”, người ấy (người hành Bồ Tát đạo) chẳng nguyện cho chính mình, mà nguyện cho chúng sanh. Nói “*chúng sanh*”, chính mình cũng là một trong các chúng sanh, đã bao gồm, nhưng nói chính mình thì chẳng thể bao gồm người khác. “*Chúng sanh*” là hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới. Quý vị nói xem: Tâm lượng này to cỡ nào! Phổ Hiền tâm, Phổ Hiền nguyện, Phổ Hiền Hạnh, đều kiến lập từ chỗ này. “*Xảo*” (巧) là phương tiện hay khéo, là trí huệ chân thật. Hễ sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, Phổ Hiền Hạnh Nguyện bèn thuận theo đó mà hiện tiền. “*Phi*” (非) là làm lỗi, nguyện tâm này sanh khởi, lỗi lầm sẽ chẳng còn nữa!

“*Ly quá thành đức*” (Lìa lỗi để thành tựu đức). Đức (德) là gì? Hoàn toàn thuận theo pháp tắc thiên nhiên, cũng có nghĩa là “*tùy thuận Tánh Đức*”, Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Quý vị chẳng có nguyện tâm ấy là do đã mê mất Tánh Đức. Chẳng mê, niệm nào cũng đều tương ứng với Tánh Đức, đó gọi là “*thanh tịnh*”. Thanh tịnh là Tánh Đức. Chúng ta đã học rất nhiều: Chân thành là Tánh Đức, thanh tịnh là Tánh Đức, bình đẳng là Tánh Đức, chánh giác là Tánh Đức, từ bi là Tánh Đức. Tánh Đức vô lượng vô biên, nói chẳng cùng tận. Đúng là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”. Đức Phật hết sức từ bi, đã nói mười chữ. “*Mười*” là đại viên mãn, nhằm biểu thị pháp: Tánh Đức vô lượng vô biên. Tự tánh khởi tác dụng, nói chung chẳng lìa khỏi năm câu sau đây: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Chúng ta phải dùng cái tâm như vậy để đối đãi hết thầy chúng sanh. Chúng ta phải dùng cái nguyện ấy, hy vọng hết thầy chúng sanh đều có thể trở về Tánh Đức.

Chính mình tu hành là sửa đổi những hành vi bất thiện, hẹp hòi, lệch lạc, sai sót của chính mình. Tư tưởng và hành vi của phàm phu do mê mất tự tánh, cũng chính là mê mất “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Chư vị hãy ngẫm xem, nếu quý vị trọn đủ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, có cần học Đệ Tử Quy hay không? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, sẽ tự nhiên là Đệ Tử Quy. Vốn là tình trạng ấy, tự nhiên là như vậy, hiện thời hoàn toàn tương phản với nó. Đó gọi là “*mê mất tự tánh*”. Tự tánh vốn

sẵn có trí huệ, bị biến thành phiền não, biến thành vọng tưởng. Sau khi mê mất, đã biến Tánh Đức và Thập Thiện Nghiệp mà chính mình vốn có thành ác nghiệp: Thân giết, trộm, dâm, miệng nói dối, nói dối chiều, biến thành ác nghiệp. Chân thành biến thành hư ngụy, thanh tịnh biến thành ô nhiễm, bình đẳng biến thành ngạo mạn, chánh giác biến thành mê hoặc, từ bi biến thành tự tư tự lợi. Đó là mê mất tự tánh. Vì thế, hiện thời nghe giáo huấn của Phật, Bồ Tát, chúng ta đều cảm thấy tốt đẹp, có lý, đều tán thán, đều gật đầu, nhưng chẳng làm được!

Tổ sư đại đức thường dạy chúng ta: Quý vị phải tìm cho ra nguyên nhân vì sao chẳng làm được; trừ khử cái nguyên nhân ấy, quý vị sẽ làm được! Nói lời ấy rất đúng! Chúng ta phải thường suy nghĩ: Vì sao ta chẳng làm được Đệ Tử Quy? Quý vị tìm ra nguyên nhân; sau đây, tiêu trừ nguyên nhân, quý vị sẽ làm được rất dễ dàng. Có tìm được nguyên nhân hay không? Nếu chẳng tìm thấy ư? Hãy đọc sách cổ cho nhiều! Trong sách cổ thường có chỉ dạy, nhưng chính quý vị vô ý, ơ hờ, cho nên chẳng biết. Tất cả hết thấy mê hoặc, điên đảo, lầm lỗi, đều có cái nhân căn bản. Quý vị đã mê nơi cái nhân ấy. Tôi nói với quý vị, bản thân quý vị hãy nghĩ xem có đúng hay không nhé? Cái nhân ấy, nói chung, nói tổng quát thì như người hiện thời hay nói: Quý vị chẳng có tâm yêu thương! Quý vị có thừa nhận hay không? Điều thứ nhất, quý vị chẳng yêu thương chính mình. Chẳng yêu thương chính mình, làm sao có thể yêu thương người khác cho được?

Do vậy, truyền thống giáo học của Trung Hoa từ xưa, trước hết là dạy điều này, “*phụ tử hữu thân*” (cha con có tình thân thiết). Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói quá nhiều lần, nhưng quý vị chẳng chú ý. Đây là nguyên điểm (原點, điểm gốc, điểm khởi đầu, điểm bắt nguồn), là căn bản của căn bản trong nền giáo dục Trung Hoa. Tình thân ái giữa cha và con chính là Tánh Đức, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện nào. Đó là chân thành. Chân thành thân ái, thanh tịnh thân ái, bình đẳng thân ái, chánh giác thân ái, từ bi là thân ái. Do quý vị đã mê mất, cho nên hiện thời chẳng biết yêu thương chính mình, há có thể yêu người khác được ư? Biết yêu thương chính mình, biết yêu thương hết thấy chúng sanh, lẽ nào chẳng làm được? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác của quý vị tự nhiên hoàn toàn phù hợp. Quý vị hãy ngẫm xem có phải là đạo lý ấy hay không? Chúng ta lại xem đoạn thứ hai kế đó.

***(Sớ) Hựu bi trí song vận, danh vi Sở Hạnh. Hạnh vi phạm tiểu, cố xưng thanh tịnh. Dĩ Nhị Thừa vô lậu, bất năng kiêm lợi, phi chân tịnh cố.***

(疏)又悲智雙運，名為所行，行越凡小，故稱清淨。以二乘無漏，不能兼利，非真淨故。

*(Sớ: Lại nữa, vận dụng cả Bi lẫn Trí nên gọi là Sở Hạnh. Hạnh vượt trội phạm phu và Tiểu Thừa, nên gọi là thanh tịnh. Bởi lẽ, Nhị Thừa tuy vô lậu, chẳng thể lợi ích kẻ khác, nên chẳng phải là chân tịnh).*

Tầng ý nghĩa này sâu hơn tầng phía trước. Phần trước là khái luận, ở đây, chuyên nói về Bồ Tát Hạnh. “*Bi trí song vận*”: Bi (悲) là thương xót chính mình,



cũng như thương xót chúng sanh. Chính mình luân lạc trong lục đạo, luân hồi bao kiếp dài lâu. Thế mà chính mình rốt cuộc bất tri bất giác, chẳng có trí huệ. Trong đời này, có duyên được làm thân người, gặp Phật pháp, nghe kinh, học giáo, trí huệ mở mang đôi chút, hiểu rõ đôi chút, mới cảm thấy chính mình phải luân hồi bao kiếp dài lâu thật đáng buồn! Thấy đông đảo chúng sanh bất giác, tự nhiên sanh khởi bi tâm, tâm thương xót, thương xót chính mình, thương xót hết thấy chúng sanh. Bi là động lực thúc đẩy chúng ta mong cầu trí. Trí lại giúp tăng trưởng cái tâm đại từ bi của chúng ta.

Những kẻ sơ cơ học Phật bình phàm, tâm từ bi vừa mới sanh khởi bèn thương xót chính mình: Có sao luân hồi trong lục đạo chịu đựng nỗi khổ oan uổng như thế? Hằng ngày tạo nghiệp, chính mình cũng chẳng biết. Sau khi đã hiểu rõ, chính mình không ngừng sửa đổi, đoạn ác, tu thiện. Đây chẳng phải là chuyện ngày một, ngày hai, mà là chuyện đoạn ác tu thiện trong thời gian dài lâu. Kể từ sơ phát tâm trong hiện thời cho đến khi nào? Cho đến địa vị Như Lai. Đẳng Giác Bồ Tát còn có lầm lỗi, vẫn phải sửa lỗi, đổi mới, phải biết điều này! Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm Sanh Tướng Vô Minh chưa phá. Đấy chính là lỗi lầm của Ngài. Những việc làm của Ngài đều do ba nghiệp thân, ngữ, ý tạo tác, chẳng thể đạt đến viên mãn rốt ráo, còn kém một phần! Huống hồ chúng ta thuộc địa vị phàm phu, ngay cả địa vị Sơ Tín còn chưa chứng đắc, chớ nên không biết sự thật này. Người đã thật sự hiểu rõ, tức là trí huệ đã mở mang, mới thật sự chịu dụng công, hạ quyết tâm mong thoát ly lục đạo luân hồi, mong thoát ly mười pháp giới. Đấy là gì? Đấy chính là Trí. Xác thực là trí huệ dấy lên hiện hành, khởi tác dụng, người ấy mới có nguyện tâm to tát dường ấy! Trong một đời này, có thể thành tựu hay không? Có nguyện tâm ấy, có nghĩa là “*tâm có thừa, nhưng chẳng đủ sức*”. Đoạn phiền não tập khí, há là chuyện dễ dàng ư? Phiền não tập khí do vô lượng kiếp huân tập tạo thành, quý vị có thể đoạn được hay không?

Xác thực là đức Phật từ bi đến cùng tột, đã chỉ dạy chúng ta pháp môn “*đời nghiệp往昔 sanh*” này. Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh đầu tiên. Quý vị nhất định phải biết, Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo, kinh Hoa Nghiêm được giảng trong Định. Bọn phàm phu chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tĩnh tọa dưới cội Bồ Đề, thời gian ngồi rất lâu, “*nhị thất nhật trung*” (trong mười bốn ngày). Tức là trong hai tuần lễ, Ngài ngồi bất động tại đó, chẳng ăn, chẳng uống suốt hai tuần lễ. Có chỗ nói là “*tam thất nhật trung*” (trong hai mươi một ngày) để giảng Hoa Nghiêm, “*tam thất*” là hai mươi một ngày. Chúng ta có thể tin tưởng chuyện này, chẳng hoài nghi. Vì sao? Lão hòa thượng Hư Vân lão nhân gia đã có lần nhập Định hơn một tháng mới xuất Định. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nhập Định hai mươi mấy ngày, phải nên biết là chuyện rất bình thường. “*Tam thất*” là hai mươi một ngày, “*nhị thất*” là mười bốn ngày, ở trong Định. Chúng ta thấy Ngài đang nhập Định, trên thực tế, Ngài đang giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, thính chúng là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Nếu quý vị chẳng có năng lực ấy, sẽ chẳng thể nhập Định tham gia đại hội hoàng pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị phải có năng lực ấy thì mới có thể tham gia.

Do vậy, hiện thời, hàng Tiểu Thừa chẳng tin, chẳng thừa nhận. Họ chưa hề thấy, chẳng trông thấy. Vì thế, họ nói “*Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói*”. Trước hết, họ phản đối, [phủ nhận] kinh Hoa Nghiêm do đức Phật nói. [Họ cho rằng] kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát soạn ra, giả mạo danh nghĩa Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong long cung, Long Thọ Bồ Tát đã thấy kinh này. Sau khi kinh này được giảng xong, Đại Long Thọ Bồ Tát thu thập, đưa về long cung cúng dường. Phân lượng quá ư là lớn! Kinh Hoa Nghiêm hiện thời chính là lược thuật những điểm trọng yếu trong mục lục của kinh Hoa Nghiêm [thật sự trong long cung], giống như sách Mục Lục Đề Yếu của Tứ Khố Toàn Thư vậy. Hiện thời, Tứ Khố Toàn Thư được ấn hành với số trang rút nhỏ, bản thu gọn, gồm một ngàn năm trăm tập. Mục Lục Đề Yếu gồm năm tập. Hiện thời, chúng ta đọc kinh này, chính là đọc phần Mục Lục Đề Yếu [của kinh Hoa Nghiêm]. Nói cách khác, mỗi câu đều là một vấn đề thảo luận. Nội dung kinh hết sức phong phú, từng câu, từng chữ đều bao gồm vô lượng nghĩa.

Câu này nói về ý nghĩa của chữ Sở Hạnh. Phải hiểu rõ mối quan hệ giữa Bi và Trí. Nay chúng ta chẳng thể phát ra Bi tâm là do chẳng có trí huệ. Hễ trí huệ chẳng sanh khởi, sẽ chẳng có bi tâm (chẳng có tâm từ bi). Hai điều ấy giúp đỡ nhau cùng thành tựu. “*Hạnh vượt phạm phu, cố xưng thanh tịnh*” (Hạnh vượt trời phạm phu và Tiểu Thừa, nên gọi là thanh tịnh). “*Hạnh*” (行) là hành vi. Khởi tâm động niệm là hành vi nơi ý nghiệp, ngôn ngữ là hành vi nơi khẩu nghiệp, thân tạo tác là hành vi nơi thân. Hành vi nơi ba nghiệp thân, ngữ, ý. Hành vi nơi tam nghiệp của Bồ Tát vượt trời phạm phu, tức phạm phu trong lục đạo. Vượt trời Tiểu Thừa, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác. Hạnh của phạm phu là do cái tâm luân hồi tạo cái nghiệp luân hồi. Trong cái tâm luân hồi có thiện, ác, vô ký (không thiện, không ác). Thiện tâm, thiện hạnh cảm vơi phước báo nhân thiên, sanh trong ba thiện đạo; ác niệm, ác hạnh cảm tam đồ khổ báo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng thanh tịnh! Cõi trời cũng chẳng thanh tịnh, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, lấy đâu ra thanh tịnh? Hưởng hết phước trời, nhất định sẽ đọa lạc, họ (chư thiên) chẳng có cách nào thăng lên, nhất định là phải đọa lạc. Hưởng hết phước báo trong nhân gian, chẳng biết làm lành, chẳng biết tích đức, hễ hưởng hết phước báo, nhất định sẽ đọa trong tam đồ, lấy đâu ra thanh tịnh? Tiểu Thừa tuy thoát khỏi lục đạo luân hồi, chẳng vượt khỏi mười pháp giới, chẳng phải là thật sự thanh tịnh. Do vượt trời Tiểu Thừa, nên gọi là “*thanh tịnh*”.

Chúng ta lại thấy câu kệ đó nói: “*Đĩ Nhị Thừa vô lậu, bất năng kiêm lợi, phi chân tịnh cố*” (Do Nhị Thừa tuy vô lậu, nhưng chẳng thể lợi ích người khác, cho nên chẳng phải là chân tịnh). Đây là sợ có kẻ nghi hoặc: A La Hán và Bích Chi Phật đã vượt thoát lục đạo luân hồi, lẽ nào chẳng thanh tịnh? Kinh Phật nói các vị ấy đều đã chứng đắc quả báo vô lậu. Món cuối cùng trong sáu loại thân thông là Lậu Tận Thông. Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não; “*lậu tận*” (漏盡) là đoạn hết phiền não. Phiền não được nói ở đây chính là Kiến Tư phiền não, chúng tôi thường nói theo kinh Hoa Nghiêm là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”, Kiến Tư phiền não là chấp trước. Đối với hết thảy các pháp thế gian và

xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, nhưng thế nào? Chẳng đủ trí huệ, chẳng đủ năng lực, chẳng thể kiêm lợi (兼利, làm lợi ích cho người khác). Những vị ấy chỉ có thể tự lợi, chẳng thể kiêm lợi.

Chúng tôi phải giải thích rõ ràng câu này: A La Hán có độ chúng sanh hay không? Có độ, chẳng phải hoàn toàn là tự tư tự lợi. Các vị ấy cũng độ chúng sanh, nhưng chẳng giống như Bồ Tát! Các vị ấy độ chúng sanh, quý vị tìm đến các Ngài, các Ngài sẽ dạy quý vị. A La Hán có thần thông, nhất định sẽ quan sát quý vị. Thần thông của A La Hán có thể biết năm trăm đời trong quá khứ, năm trăm đời vị lai. Có năng lực to tát như thế, xét xem trong năm trăm đời quá khứ, quý vị có thiện căn hay không? Có thiện căn thì các Ngài dạy quý vị. Chẳng có thiện căn, sẽ không dạy. Có duyên với các Ngài, các Ngài sẽ dạy quý vị. Chẳng có duyên, chẳng dạy quý vị, chẳng giống như Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có điều kiện! Quý vị chẳng tìm đến Bồ Tát, Bồ Tát tìm đến quý vị. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đã đọc thấy: “*Bồ Tát tác bất thỉnh chi hữu*” (Bồ Tát làm bạn chẳng mời). Câu học thì quý vị phải tới chỗ thầy để cầu, tôn sư trọng đạo thì quý vị mới có thể học điều chi đó! Nhưng Bồ Tát chẳng vậy, Bồ Tát làm “*bạn chẳng mời*”. Quý vị chẳng cầu Ngài, Ngài chủ động tìm tới quý vị. Khó có lắm, đó gọi là “*kiêm lợi*”.

Bồ Tát đến tìm quý vị, quý vị chẳng tiếp nhận thì làm như thế nào? Chẳng tiếp nhận, các Ngài cũng mong gieo thiện căn cho quý vị, khiến cho trong A Lại Da Thức của quý vị có chủng tử Phật, gieo thiện căn xuống! Bài xích, cự tuyệt, căn bản là chẳng tin tưởng, thậm chí nhục mạ Ngài, Ngài chỉ cười mà thôi. Chủng tử Phật trong A Lại Da Thức vĩnh viễn chẳng mòn diệt. Nói không chừng, vài năm sau, [sẽ nghĩ lại]: “Người ấy cũng được quá đi chớ! Tuy ta vũ nhục hắn, hắn cũng chẳng tức giận, rất có tu dưỡng, rất khó có!” Vậy thì thiện căn của quý vị bèn tăng trưởng, nói không chừng là trong đời kế tiếp, nói không chừng là trong đời sau nữa, gặp duyên, quý vị cũng rất ưa thích Phật pháp. Vì thế, Ngài đã gieo duyên, gieo nhân Phật pháp cho quý vị. [Quý vị] chẳng có duyên, bèn kết duyên cho quý vị. Có duyên thì sẽ giúp quý vị tăng trưởng, giúp quý vị tăng tấn. Đã tăng trưởng, bèn giúp cho quý vị chín muồi.

Bồ Tát độ chúng sanh là chủ động, “*ngàn xừ khẩn cầu, ngàn xừ ứng*”, chỉ cần chúng sanh có cảm. Có khi chúng sanh cảm mà chính họ cũng không biết, có khi tự mình biết đang cảm, cầu Phật, Bồ Tát. Có khi tự mình hoàn toàn chẳng biết. Vì thế, đối với chuyện cảm ứng này, trong phần trước, chúng tôi đã nói tỉ mỉ vài lượt. Có bốn loại: Hiện cảm hiện ứng (cảm và ứng đều rõ rệt), hiện cảm minh ứng (cảm rõ rệt, ứng âm thầm), minh cảm hiện ứng (cảm âm thầm, ứng rõ rệt), minh cảm minh ứng (cảm và ứng đều ngầm ngầm). Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! [Xét theo] điểm này, Nhị Thừa chẳng bằng Bồ Tát, Bồ Tát chủ động độ chúng sanh, chẳng câu nệ bất cứ điều kiện nào! Nhưng nếu chỗ quý vị có rất nhiều người học Phật, học Phật thì quý vị phải hiểu nghi thức, quy củ trong nhà Phật, biết tôn sư trọng đạo, nhất định phải “*thỉnh chuyển pháp luân*”, tức là phải lễ thỉnh thầy đến chỗ ấy giảng kinh, thuyết pháp cho chúng ta! Phải lễ thỉnh! Chẳng lễ thỉnh mà chính vị ấy đến là do nơi ấy chẳng có người hiểu Phật pháp,

chẳng cần thỉnh mà vị ấy đến. Chúng ta phải biết điều thường thức này. Nếu chúng ta hiểu Phật pháp, phải nên cung kính khải thỉnh. Chẳng có ai hiểu, trong tâm chúng ta mong muốn: “Có thể nào có một vị pháp sư tới giảng kinh cho chúng tôi thì hay quá”. Vị ấy sẽ tới, chẳng ai biết, cũng chẳng có ai hiểu quy củ. Điều này được diễn tả là: “*Phật pháp coi trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức*”, thật vậy!

Nói theo sự giáo hóa chúng sanh thì chẳng thể thiếu hình thức được! Hình thức nhằm dành cho những người chẳng học Phật, hoặc kẻ còn chưa tiếp xúc Phật giáo, làm cho họ thấy, tác động đến thiện căn của họ, khiến cho họ sau khi đã thấy hình thức ấy, sẽ sanh tâm hoan hỷ, sẽ tiến nhập Phật môn. Do vậy, hình thức là một loại phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sanh, tác động tới thiện căn trong quá khứ của họ. Hiện thời, nói đó là một thứ phương pháp, cũng được. Phương tiện thiện xảo mà! Nhị Thừa chẳng có loại Bi và Trí ấy. Do vậy, nói: Nhị Thừa chẳng phải là thanh tịnh thật sự. Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

### ***Tập 1464***

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phần Thích Danh của phẩm thứ mười một, tức phẩm Tịnh Hạnh. Xem đoạn cuối của phần Thích Danh trong lời Sớ của Thanh Lương đại sư. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

***(Sớ) Đắc tư ý giả, cử túc, hạ túc, tận Văn Thù tâm, kiến văn giác tri, giai Phổ Hiền Hạnh. Văn Thù tâm cố, tâm vô trước loạn, thị viết thanh tịnh. Phổ Hiền Hạnh cố, thị Phật vãng tu, chư Phật, Bồ Tát đồng sở hành dã. Sở hành tức tịnh.***

(疏)得斯意者，舉足下足，盡文殊心，見聞覺知，皆普賢行。文殊心故，心無濁亂，是曰清淨。普賢行故，是佛往修，諸佛菩薩同所行也，所行即淨。

***(Sớ: Hiểu ý nghĩa ấy, giở chân, đặt chân đều trọn hết cái tâm Văn Thù, thấy, nghe, hay, biết, đều là Phổ Hiền Hạnh. Do là tâm Văn Thù, nên tâm chẳng có như bản, rối loạn, cho nên nói là thanh tịnh. Do Phổ Hiền Hạnh chính là những gì Phật đã tu trong quá khứ, chư Phật, Bồ Tát cùng hành. Những điều được hành chính là tịnh).***

Đoạn này nói rất hay, lại còn nói rất sâu! Nói đến cảnh giới Hoa Nghiêm. Trước hết, Thanh Lương đại sư bảo: “*Đắc tư ý giả*” (đạt được ý ấy): Chữ Đắc (得) nghĩa là quý vị thật sự thông hiểu, thấu hiểu nghĩa thú trong lời đức Phật dạy. Đối với ý nghĩa và mục đích hướng đến trong lời đức Phật dạy, nếu quý vị có thể thật sự thông đạt, hiểu minh bạch; sau đây, hành vi trong cuộc sống hằng ngày của quý vị sẽ tự nhiên là học Phật. Giống như trẻ thơ học theo cha mẹ, thật sự

hiểu được, hằng ngày thấy, hằng ngày nghe, hiểu rõ. Do hiểu rõ, chúng ta sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát, đó là “*phá mê, khai ngộ*”, là “*siêu phàm nhập thánh*”.

Siêu phàm nhập thánh ngay trong cuộc sống hằng ngày, cuộc sống có thay đổi hay không? Chẳng thay đổi! Vẫn mặc áo, ăn cơm y hệt! Ở trong cảnh phú quý, bèn sống cuộc đời phú quý. Gặp cảnh bần tiện, sống cuộc đời nghèo hèn của chính mình. Siêu phàm nhập thánh chẳng liên quan gì đến bần tiện, phú quý. Chỗ khác nhau là gì? Chỗ khác nhau là tâm khai, ý giải, vui sướng khôn sánh. Trong cuộc sống của quý vị, chẳng có ưu lự, chẳng có khổ não, phiền não mỗi ngày một ít, trí huệ mỗi ngày một tăng trưởng, sung sướng thay! Đúng như Phu Tử đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao?). “*Duyệt*” (悅) là vui sướng, từ bên trong nội tâm thấu lộ ra ngoài, giống như nước suối [từ mọi nước liên tục trào ra]. [Niềm vui sướng của] người ấy chẳng phải là niềm vui sướng do từ những kích thích bên ngoài, mà là từ trong nội tâm lưu xuất, vĩnh viễn chẳng ngừng! Do vậy, nhà Phật nói “*pháp hỷ sung mãn*”, thường sanh tâm hoan hỷ. Điều này phải là bậc Bồ Tát đã đạt tới minh tâm kiến tánh mới làm được, quyết định chẳng có phiền não và tập khí. Chẳng giống như A La Hán, tuy A La Hán đã đoạn Kiến Tư, nhưng biểu hiện trong cuộc sống hằng ngày còn có tập khí. Vị này hoàn toàn chẳng có tập khí! Đây là “*đắc tư ý giả*” (hiểu được ý nghĩa ấy).

“*Cử túc, hạ túc*” (Giờ chân, đặt chân) là nói tới chuyện đi lại. “*Tận Văn Thù tâm*”, Văn Thù Bồ Tát là tâm gì? Trong kinh Hoa Nghiêm, đóng vai trò rất quan trọng chính là hai vị Bồ Tát ấy. Văn Thù tâm, Phổ Hiền nguyện, hai vị này đại diện cho toàn thể Hoa Nghiêm. “*Văn Thù tâm*” là Thập Ba La Mật, [“*cử túc, hạ túc*”] có nghĩa là gì? Từng bước đều chẳng quên Thập Ba La Mật. Bồ Thí, Trì Giới, Nhân Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Bát Nhã, những điều này thường gọi là Lục Ba La Mật. Từ Bát Nhã, lại triển khai thành Phương Tiện, Nguyện, Lực, và Trí, [cộng với sáu điều trước thành] Thập Ba La Mật. Từ bốn món Ba La Mật Phương Tiện, Nguyện, Lực, và Trí, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*thiện xảo phương tiện*”, tức là Bát Nhã Ba La Mật khởi tác dụng. Nói đến Thập Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật là Thể, bốn món sau là Dụng. Có Thể bèn có Dụng. Bát Nhã Ba La Mật là Căn Bản Trí, bốn điều sau đó là Hậu Đắc Trí. Cũng có thể nói, Bát Nhã Ba La Mật là Thật Trí (真實, trí huệ chân thật), bốn điều sau đó là Quyền Trí (權智, trí huệ quyền biến), Quyền và Thật đối ứng. Khi nào thì trí huệ đáng nên khởi tác dụng như thế nào, sẽ chẳng sai lầm mảy may! Lợi ích trọn khắp hết thảy hữu tình trong chín pháp giới, thực hiện tận thiện, tận mỹ, chẳng có mảy may khuyết điểm nào, nên nói là “*tận*”.

Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát biểu thị Thập Ba La Mật, Phổ Hiền Bồ Tát biểu thị mười đại nguyện vương. Hai vị Văn Thù và Phổ Hiền giao xen, giúp đỡ lẫn nhau. Trong Bồ Thí có mười nguyện Phổ Hiền, trong Trì Giới cũng có mười nguyện Phổ Hiền. Mỗi điều trong Thập Ba La Mật đều trọn đủ mười nguyện Phổ Hiền. Mười nguyện Phổ Hiền, điều thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”. Trong lễ kính chư Phật, bao hàm viên mãn Thập Ba La Mật của Văn Thù

Bồ Tát. “*Xung tán Như Lai*”, “*quảng tu cúng dường*”, chẳng có một điều nào không trọn đủ Thập Ba La Mật. Đây gọi là pháp Nhất Thừa, thù thắng hơn pháp Đại Thừa. Trong pháp Đại Thừa, nói thông thường là Lục Ba La Mật. Trong Bồ Thí, nhất định bao gồm Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Trong Trì Giới, nhất định có Bồ Thí, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Một chính là sáu, sáu chính là một, nhưng trong ấy, chẳng có mười nguyện Phổ Hiền. Trong kinh Hoa Nghiêm, mỗi một môn [Ba La Mật] của Văn Thù Bồ Tát đều trọn đủ mười nguyện Phổ Hiền, khác hẳn! Nhất Thừa và Đại Thừa sai khác ở chỗ này!

Nói với chúng ta là đại tâm chúng sanh. Chúng ta là chúng sanh, chẳng phải là thánh nhân, nhưng tâm lượng to lớn, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Khởi tâm động niệm bèn nghĩ vì hết thấy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới hư không giới, nên gọi là “*đại tâm phạm phu*”. Nghe Hoa Nghiêm, học Hoa Nghiêm, có thể nghe lọt tai, có thể là nghe hiểu, hoặc có thể thấu hiểu giáo nghĩa, có thể khế nhập cảnh giới. Chẳng phải ai cũng là đại tâm phạm phu! Nói thật ra, trong đời quá khứ, tuyệt đối chẳng phải một đời, hai đời, ba đời, năm đời, chẳng phải vậy! Mà là đã nhiều đời nhiều kiếp từng nghe những kinh giáo Nhất Thừa này. Vì thế, trong đời này, sau khi được gặp gỡ, rất dễ dẫn phát thiện căn trong đời trước, cho nên có tâm lượng to dường ấy. Nghĩ đến chính mình rất ít, đều nghĩ vì người khác, đều là “*hy sinh, dâng hiến*” như người hiện thời hay nói. Bỏ mình vì người khác, người ấy có tâm lượng này. Đây cũng là do thiện căn “*tiếp xúc Đại Thừa, tiếp xúc Nhất Thừa*” trong đời trước dẫn phát, cho nên cũng biến thành bậc đương cơ của kinh Hoa Nghiêm, rất đáng mừng rỡ, cảm thấy may mắn. Đó là tâm Văn Thù!

“*Kiến, văn, giác, tri*”: Thấy, nghe, hay, biết là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đều là Phổ Hiền Hạnh. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mười nguyện Phổ Hiền tự nhiên sanh khởi. Trong khi chúng tôi giới thiệu tựa đề kinh, [quý vị] đã thấy phần giới thiệu [tựa đề kinh của] Thanh Lương đại sư. Nếu chú tâm, chúng ta có thể thông hiểu đôi chút: Pháp Nhất Thừa xác thực là chẳng thể nghĩ bàn. Pháp Nhất Thừa thật sự quá khó có! Đến đâu để tìm Nhất Thừa Bồ Tát? Chúng ta thường nói “*người tốt bậc nhất trong thế gian*”, chẳng có tự tư tự lợi, chẳng có ganh tỵ, ngạo mạn, chẳng có chính mình, chỉ có người khác. Đây là căn tánh Nhất Thừa.

Kế đó, [lời Sớ] nói: “*Văn Thù tâm cố, tâm vô trước loạn, thị viết thanh tịnh*” (Do cái tâm Văn Thù, tâm chẳng như bản, rối loạn, nên nói là “*thanh tịnh*”). Tâm chẳng nhiễm trước. Quý vị thấy kinh Di Đà nói thế gian này là “*ngũ trước ác thế*”. Người ấy ở trong ngũ trước ác thế, chẳng đắm nhiễm, đó là thanh tịnh, là công phu định lực. “*Bất loạn*”: Bất loạn là trí huệ, vì sao bất loạn? Như như bất động. Chính như kinh Kim Cang đã dạy “*bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng giữ lấy tướng, như như bất động), kinh Di Đà nói “*nhất tâm bất loạn*”. Tâm vô trước loạn chính là nhất tâm bất loạn, nhị tâm bèn trước loạn. Nhất tâm sẽ chẳng trước, chẳng loạn. Định và Huệ học cân bằng, Định và Huệ cùng vận

dụng, như trong phần trước đã nói là “*Bi Trí song vận*”. Định và Huệ cùng vận dụng, đây là thanh tịnh.

“*Phổ Hiền Hạnh cố, thị Phật vãng tu*”: Đối với Phổ Hiền Hạnh, trước khi hết thầy chư Phật Như Lai thành Phật, đều tu Phổ Hiền Hạnh. Chúng ta biết [người ở] thế giới Cực Lạc tu Phổ Hiền Hạnh. Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy hai vị trợ thủ của Hoa Tạng thế giới Tỳ Lô Giá Na Phật là Văn Thù và Phổ Hiền, chúng ta cũng thấy hai vị này [là bậc thượng thủ] trong kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, chúng ta hiểu: Thế giới Hoa Tạng cũng tu Phổ Hiền Hạnh. Do vậy, mục tiêu chung cực của sự tu hành ở đây là Vô Thượng Bồ Đề. Đây cũng chính là như trong đoạn trước, trong phần “*lai ý*” (ý nghĩa vì sao có phẩm kinh này) đã nói là “*dục giai diệu vị*” (muôn đạt lên địa vị mâu nhiệm). “*Diệu vị*” là Vô Thượng Bồ Đề, là Phật quả rốt ráo. Thế giới Cực Lạc là như thế, mà thế giới Hoa Tạng cũng là như thế.

“*Chư Phật, Bồ Tát đồng sở hành dã*” (Chư Phật, Bồ Tát cũng cùng hành). “*Chư Phật*” là Bồ Tát, Bồ Tát là chư Phật, vì Bồ Tát đang nói ở đây chính là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Những vị Bồ Tát này là Phật thuộc địa vị Phần Chúng. Tuy chẳng chứng đắc rốt ráo, các Ngài thật sự quyết định chẳng giả. Trí của các Ngài là chân thật, Giải là thật, đức năng là thật, hoàn toàn là Tánh Đức lưu lộ, chẳng giống mười pháp giới! Trong mười pháp giới còn có A Lại Da Thức, tâm hiện, thức biến, còn có chuyện này. Mười pháp giới càng lên cao hơn, biên độ biến đổi càng nhỏ, càng rất gần với Nhất Chân pháp giới. Càng đi xuống, hướng đến lục đạo, hướng đến tam đồ, khoảng cách càng xa, biến hóa càng lớn, lớn đến nỗi ngay cả Tánh Đức cũng không nhận biết. Càng hướng lên trên, càng tiếp cận Tánh Đức. Đạo lý là như thế đó.

Sau khi quý vị đã hiểu đạo lý này, mới biết chẳng thể không học “*thánh học*”, tức là giáo huấn của thánh nhân. Trong các vị thánh nhân, Phật quả viên mãn rốt ráo, trong Phật pháp gọi là Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, viên mãn rốt ráo. Thánh nhân thế gian chẳng ít. Chúng ta quan sát kỹ lưỡng các vị thánh nhân trong nhiều tôn giáo, đặc biệt là các vị sáng lập tôn giáo, Phật pháp coi họ đều là Bồ Tát, tức Pháp Thân Bồ Tát! Ở đây nói là “*chư Phật, Bồ Tát đồng sở hành dã*” (là những điều do chư Phật, Bồ Tát cùng hành). Những điều do Phật, Bồ Tát hành, há có lẽ nào chẳng thanh tịnh? Sở hành chính là Tịnh. Chúng tôi giới thiệu phần Thích Danh đến đây.

Lại xem đoạn thứ ba tiếp theo là phần Tông Thú. Tông (宗) là tông chỉ (宗旨), tức là cương lĩnh tu hành. Thú là thú hướng (趣向, hướng về, đạt đến), tức là Quả. Tông là tu hành, là nhân. Thú là nương theo phương pháp lý luận ấy để tu hành, sẽ đạt được quả báo như thế nào. Phải hiểu rõ điều này thì mới chẳng đến nỗi tu mù, luyện đui. Chúng ta hãy xem Thanh Lương đại sư khai thị:

**(Sớ) Tông Thú giả, dĩ tùy sự xảo nguyện, phòng tâm bất tán.**

**(疏)宗趣者，以隨事巧願，防心不散。**

*(Sớ: Tông Thú là dùng nguyện khéo thích ứng với Sự để ngăn ngừa cái tâm, chẳng để bị tán loạn).*

Nói hay lắm. Tiếp đó, Ngài nói:

***(Sớ) Tăng trưởng Bồ Tát bi trí đại hạnh vi Tông.***

**(疏)增長菩薩悲智大行為宗。**

*(Sớ: Tăng trưởng đại hạnh bi trí của Bồ Tát là Tông).*

Nêu ra tông chỉ. “Tăng trưởng Bồ Tát bi trí đại hạnh”: Chúng ta đọc chữ Hạnh theo giọng Khứ Thanh, không đọc là Xíng (Hành), mà đọc Hèng (Hạnh). Hèng (Hạnh) là động từ, Xíng (Hành) là danh từ, đọc Hạnh là [hiểu theo nghĩa] động từ.

***(Sớ) Thành tựu Phổ Hiền thật đức vi Thú.***

**(疏)成就普賢實德為趣。**

*(Sớ: Thành tựu thật đức của Phổ Hiền là Thú).*

Nhân và quả đều nêu ra. Thật đức của Phổ Hiền Bồ Tát, đại hạnh của Văn Thù Bồ Tát. Thật Đức của Phổ Hiền Bồ Tát là mười đại nguyện vương. Bi trí đại hạnh của Văn Thù Bồ Tát là Thập Ba La Mật. Vì thế, Tông Thú tu hành của toàn thể kinh Hoa Nghiêm là hai mươi điều ấy.

Thực hiện viên mãn Thập Ba La Mật và mười đại nguyện vương, khởi sự từ chỗ nào? Bắt đầu bằng phẩm kinh này. Do vậy, tôi nói: Phẩm kinh này là Đệ Tử Quy trong pháp môn Nhất Thừa. Nhìn theo mặt Sự, sẽ thấy dường như rất đơn giản, nhưng ý nghĩa bao hàm trong ấy quá sâu, sâu rộng vô tận, đều là trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta làm mỗi ngày, nhưng mê chứ chẳng giác. Vì mê nên làm mỗi ngày, tà mà chẳng chánh. Quý vị có chuyển hay không? Không biết chuyển, [cho nên] nhiễm chứ không tịnh. Quý vị thấy các Ngài biết chuyển trong cuộc sống, bất cứ chuyện gì cũng đều là “giác, chánh, tịnh”. Hiện thời, đối với bất luận khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chúng ta từ sáng đến tối, hãy cẩn thận, phản tỉnh, suy ngẫm, có phải thấy đều là “mê, tà, nhiễm” hay không? Làm thế nào để chuyển biến “mê, tà, nhiễm” thành “giác, chánh, tịnh”? Đây gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”. Vị thánh ấy chẳng phải là tiểu thánh, mà là đại thánh, Pháp Thân Như Lai đây nhé! Chẳng phải là tiểu thánh, chẳng phải là Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới, mà là Phật, Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới. Toàn bộ Thật Đức tức mười nguyện của Phổ Hiền đều có thể thực hiện.

Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi, tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới quá cạn, giống như nay quý vị đang học lớp tiến sĩ trong chương trình nghiên cứu sinh, nhìn lại vườn trẻ (mẫu giáo), tiểu học, trung học, xem xét trình độ của bọn họ. Nhưng quý vị phải hiểu: Lớp tiến sĩ cũng là học từ vườn trẻ. Xây dựng vững vàng căn cơ sơ học, tự nhiên là sẽ dễ dàng tiến cao hơn. Sơ xềnh căn cơ sơ học, càng tiến cao hơn, càng khó khăn, chớ nên không hiểu đạo lý này! Vì



như cất một căn nhà mà chẳng đắp nền móng, quý vị chỉ có thể cất một cái chòi tranh, hoặc chòi lá, chẳng thể xây một tòa nhà lớn được! [Cất một dinh thự lớn] sẽ sụp đổ, nền đất chẳng thể chịu nổi. Nhất định là phải xây dựng nền móng vững vàng thì mới có thể xây một tòa nhà to, mới có thể xây cao ốc. Nền móng chẳng xây kiên cố, xây nhà ba tầng, năm tầng còn được, chứ xây mười tầng, hai mươi tầng, chẳng được đâu nhé, nhất định là sẽ đổ nhào! Do vậy, quý vị thấy người dựng nhà, [phải cân nhắc] xem nền móng có thể chịu nổi sức nặng bao nhiêu? Có thể chịu được bao nhiêu tầng? Đạo lý là như thế đó!

Nền móng là gì? Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, và Sa Di Luật Nghi là ba loại nền móng. Yêu cầu nhất định hết sức nghiêm ngặt, trong tương lai quý vị mới có thể cất cao ốc một trăm tầng. Xây một trăm tầng là pháp Nhất Thừa, là Phật quả rốt ráo viên mãn. Do vậy, sơ học chẳng nghiêm ngặt sao được? Chẳng nghiêm, thành tựu của quý vị sẽ hữu hạn. Thầy dạy trò phải tròn hết trách nhiệm của người thầy. Nếu thầy chẳng vun bồi căn cơ bền vững cho trò, trong tương lai, nó chẳng có thành tựu to lớn gì, thầy sẽ có lỗi với trò! Nhưng trong hiện thời, xác thực là có chướng ngại. Do đâu mà có chướng ngại? Chướng ngại do nhân quyền! Nhi đồng có nhân quyền, cha mẹ chẳng thể cai quản con nghiêm ngặt. Hiện thời, cha mẹ chửi con, đánh con, nó tố cáo, cảnh sát liền can thiệp, bảo quý vị ngược đãi nhi đồng, quý vị nói có phiền phức hay là không? Do vậy, hiện thời, trẻ nhỏ được pháp luật của quốc gia bảo đảm, chúng chẳng yêu thương cha mẹ, bất kính đối với cha mẹ, chẳng nghe theo giáo huấn cha mẹ. Chuyện này khó khăn quá!

Chính tôi còn nhớ, chúng tôi sanh trưởng ở nông thôn. Khi tôi còn bé, còn nghe nói quốc gia có một đạo luật gọi là “*thân quyền xử phân*” (親權處分, quyền phân xử của cha mẹ). Đạo luật này hình như bị phế trừ vào khoảng năm Dân Quốc 20 (1931). Thân quyền xử phân là gì? Cha và mẹ của quý vị có quyền lực của cha mẹ. Quý vị bất hiếu, chẳng làm tròn trách nhiệm, cha mẹ có thể thưa quý vị ra tòa: “Đứa con này bất hiếu, quý vị hãy đem bán nó đi”. Sau khi tòa án nhận được đơn thưa, lập tức thi hành án, chẳng cần tra hỏi, chẳng cần biện hộ. Đó là “thân quyền xử phân”. Vì sao? Cha mẹ há có lẽ nào chẳng đau đầu yêu thương con cái? Cha mẹ chẳng cần quý vị nữa, quý vị còn có tư cách gì để làm người trong xã hội? Do vậy, cha mẹ đi thưa, chẳng có ai biện hộ, chẳng hề có! Thân quyền xử phân đấy mà! Do vậy, vào thời ấy, đứa con cái bất hiếu, vẫn phải giả bộ hiếu thảo. Vì sao? Cha mẹ đâm đơn thưa quý vị, không có ai cứu quý vị đâu nhé! Quan tòa hành hình ngay lập tức, chẳng có luật sư nào có thể biện hộ cho quý vị. Sau khi đã phế trừ [đạo luật ấy], chẳng còn nữa, con cái bất hiếu, cha mẹ đối với chúng nó chẳng có một tí biện pháp nào cả! Vì thế, trong hiện thời, có nhiều kẻ trẻ tuổi thấy con cái bất hiếu, làm thế nào đây? Chẳng muốn có con nữa! Những kẻ trẻ tuổi trong hiện thời đều có ý nghĩ như thế, phiền toái rất lớn!

Do vậy, giáo huấn của thánh nhân mấy ngàn năm chẳng biến đổi, duy trì sự an định và hòa bình trên thế giới và trong xã hội, nó có đạo lý ở trong ấy, chẳng phải là không có lý do! Khi đã có nhân quyền, cha mẹ chẳng thể dạy con cái, thầy chẳng thể dạy học trò! Những kẻ trẻ tuổi cậy vào đâu để học đạo đức, thành tựu học vấn? Quá khó khăn! Vì thế, hiện thời nói đến chuyện hoàng dương Phật pháp,

không chỉ là khó khăn gấp mười lần quá khứ, chẳng phải là chuyện dễ dàng. Hiện thời cậy vào đâu? Nương vào thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trong đời quá khứ, đã gieo thiện căn sâu dày, [vậy thì] dễ dạy, kẻ ấy vừa nghe sẽ tiếp nhận. Kẻ ấy có thể tiếp nhận, có thể biện định những thứ này là tốt đẹp!

Chế độ xã hội cũng là như vậy. Tôi cũng thường gặp mấy người, câu thứ nhất họ hỏi tôi, đại khái là vào sáu, bảy năm trước, pháp sư Diễn Bồi [đã từng hỏi tôi đúng câu ấy]. Chúng tôi là bạn bè cũ, hơn hai mươi năm chẳng gặp mặt. Tôi sang Tân Gia Ba giảng kinh, Sư sống ở Tân Gia Ba. Trong quá khứ, Sư đã từ Đài Loan di dân sang đó, ở bên ấy đã hai mươi lăm năm. Tôi và Sư gặp nhau tại đó, Sư mời tôi ăn cơm. Trong khi nói chuyện gẫu, Sư đột nhiên hỏi tôi một câu: “Pháp sư Tịnh Không! Ông tán thành chuyên chế, hay tán thành dân chủ?” Hỏi tôi một câu như thế đó. Tôi nói: “Tôi tán thành có hoàng đế. Hoàng Thượng chuyên chế, tôi tán thành. Tôi chẳng tán thành dân chủ”. Sư hỏi vì sao? Tôi nói: “Hoàng đế chịu trách nhiệm. Ông ta phải vì quốc gia bồi dưỡng những người lãnh đạo rất tốt, lãnh trách nhiệm ấy. Thế hệ kế tục của ông ta chẳng tốt đẹp, chánh quyền của ông ta sẽ bị kẻ khác lật đổ”. Tôi nói cho Sư nghe đạo lý ấy.

Được tuyển cử theo kiểu dân chủ, một nhiệm kỳ là bốn năm, hay năm năm. Đã trúng cử, do nhiệm kỳ chẳng dài, cái tâm trách nhiệm của kẻ ấy chẳng sâu nặng. Khi tranh cử, đã hao tổn bao nhiêu tâm huyết, tốn kém bao nhiêu tiền bạc. Sau khi nhậm chức, nói chung là muốn gỡ gạc lại, chẳng thể lỗ vốn. Tới nhiệm kỳ sau, chẳng biết lần sau sẽ là ai giữ chức? Vì thế, nói đến trách nhiệm chánh trị, dân chủ chẳng bằng chuyên chế. Quý vị thấy lịch đại đế vương Trung Hoa, các đế vương khai quốc chọn người thừa kế hết sức chú ý cẩn thận, toàn tâm toàn lực bồi dưỡng. Hoàng đế chẳng dễ làm, từ bé đã bị quản giáo nghiêm ngặt, chẳng thể có một tí sai lầm, sợ gì? Sợ thân nát nhà tan, quốc phá gia vong. Hoàng đế đời cuối của mỗi triều đại đều là những kẻ chẳng vâng theo giáo huấn của tổ tông, chẳng nghe lời dạy bảo của thầy, thích như thế nào bèn làm như thế ấy! Kết quả là bị kẻ khác lật đổ. Do vậy, xã hội an định! Tôi nói: “Tôi tán thành chuyên chế, chẳng tán thành dân chủ”. Sư nói: “Sao đầu óc thầy suy nghĩ ngoan cố dường ấy!” Sư bảo tôi có ý nghĩ ngoan cố!

Nói thật ra, dân chủ và chuyên chế là vấn đề chế độ. Chế độ có tốt xấu hay không? Quý vị nói xấu hay tốt rất hữu hạn, vấn đề thật sự là ở nơi đâu? Vấn đề thật sự ở nơi con người. Khổng Tử đã nói rất hay: “*Nhân tồn chánh cử, nhân vong chánh tức*” (Con người còn thì chánh quyền tồn tại, con người đã mất thì chánh quyền chấm dứt). Câu nói ấy đã nói đến nơi đến chốn [thực chất của vấn đề]. Bất luận quý vị là chuyên chế, hay là dân chủ, người lãnh đạo có đức hạnh, có tâm yêu thương, thật sự có thể hy sinh, dâng hiến, thì dân chủ cũng được, mà chuyên chế cũng được. Nếu quý vị chẳng có luân lý, đạo đức, hoàn toàn vì lợi hại cá nhân, tiếng tăm, lợi dưỡng, thì dân chủ chẳng tốt mà chuyên chế cũng bất hảo! Do vậy, từ xưa tới nay, Trung Hoa đề xướng, chẳng nói tới vấn đề chế độ mà nói gì? Nói tới giáo học trước. “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu). Quan trọng nhất là giáo dục. Thực hiện giáo dục tốt đẹp, chế độ gì cũng đều tốt đẹp. Nếu quý vị chẳng thực hiện

giáo dục tốt đẹp, bất cứ chế độ nào cũng đều xuất hiện khuyết điểm! Trong xã hội hiện tại, chur vị lắng lòng quan sát sẽ thấy: Giáo dục quan trọng nhất!

Giáo dục nhất định lấy con người làm gốc. Mục đích của giáo dục thời cổ là dạy con người làm thánh, làm hiền. “*Độc thư chí tại thánh hiền*” (Độc sách, đốc chí nơi thánh, nơi hiền). Đây là tông chỉ giáo dục. Giáo dục trong nhà Phật là “*thành tựu Phổ Hiền Thật Đức*”, câu này nên giải thích như thế nào? Thập Ba La Mật của Văn Thù, mười nguyện Phổ Hiền, thực hiện viên mãn. Bất luận là chế độ nào, dân chủ tốt đẹp, quân chủ cũng tốt đẹp, chuyên chế tốt đẹp, chẳng có gì không tốt đẹp. Người lãnh đạo ấy chính là thánh nhân, là hiền nhân. Chỉ cần người lãnh đạo là “*thánh*” (thánh minh, sáng suốt tột bậc), văn võ bá quan dưới quyền nhất định là hiền nhân, nhân dân hưởng phước, xã hội nhất định là an hòa, lợi lạc. Vì thế, giáo dục tốt đẹp hơn bất cứ thứ gì khác. Đứng là đại đức, đại năng, đại trí.

Như Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng làm quốc vương, vì sao? Làm quốc vương, quý vị hy sinh, hiến dâng, tạo phước cho nhân dân một nước. Phạm vi chẳng lớn, chẳng thể vì người trong thiên hạ tạo phước. Vượt khỏi ranh giới quốc gia, phải tạo phước cho người trong thiên hạ. Đối với tất cả các quốc gia, tất cả các nhóm dân, nhằm tạo phước cho mọi người, phải vượt ra ngoài chánh trị. Thuở ấy, lại chẳng có Liên Hiệp Quốc. Do vậy, nói theo kiểu hiện thời: Suốt một đời, Thích Ca Mâu Ni Phật theo đuổi công tác giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên. Ngài chẳng làm quốc vương, chẳng làm quan. Các nghề nghiệp trong xã hội rất nhiều, Ngài chẳng chọn một nghề nào, mà chuyên dạy học, nêu gương mẫu cho chúng ta nhìn vào!

Vì thế, Phật Thích Ca cao hơn Khổng Tử. Vì sao? Khổng Tử chu du liệt quốc, mục đích là muốn làm quan hòng thi thố hoài bão của chính mình. Chư hầu các nước (tức vua các nước) biết người này là một người tốt, có đạo đức, có học vấn, có năng lực, nhưng chẳng dám dùng ông ta. Do vậy, tới khi tuổi đã cao, sáu mươi tám tuổi, Khổng Tử mới bỏ ý niệm làm quan, quay về quê nhà dạy học, qua đời lúc bảy mươi ba tuổi. Vì thế, thời gian Ngài dạy học là năm năm. Năm năm mà được người đời sau tôn sùng là Vạn Thế Sư Biểu (萬世師表, bậc thầy gương mẫu của muôn đời). Tôi thường nói: Thuở tại thế, Khổng Tử có nằm mộng cũng không ngờ đến chuyện ấy. Nếu Ngài nghĩ đến, ắt sẽ học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài “*tam thập nhi lập*”, tức là khi ba mươi tuổi hãy nên theo đuổi công tác giáo dục, suốt đời theo đuổi công tác giáo dục thì sự thành tựu của Ngài quyết chẳng thua kém Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật có địa vị quốc vương mà chẳng cần đến, cứ theo đuổi công tác giáo dục, chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch chuyện ấy. Giáo dục là sự nghiệp thanh cao, hết sức có ý nghĩa, bồi dưỡng nhân tài thật sự có đức hạnh, có học vấn cho quốc gia, cho xã hội, cho hết thảy chúng sanh trên cả thế giới. Trong tương lai, những nhân tài ấy sẽ ở trong xã hội, bất luận theo đuổi nghề nghiệp gì, tự nhiên là sẽ có thể hy sinh, dâng hiến, tạo phước cho nhân dân! Đây mới là thành tựu đức năng và trí huệ chân thật. Chúng ta học phần Tông Thù đến đây.

Đoạn thứ tư gọi là Giải Phương, Giải (解) là giải thích, Phương (妨) là phương ngại (妨礙, trở ngại, ngăn trở). Thứ gì gây trở ngại? Nghi hoặc là trở ngại, người ấy đối với pháp này có nghi vấn. Tu hành bị trở ngại, chứng quả bị trở ngại, đều là do có nghi vấn. “Nghi” là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Vì thế, [Giải Phương là] nói đến chuyện “*phá nghi, sanh tín*”, thật sự có tín tâm. Quý vị chẳng nghi thì [lực dụng của pháp môn đang học] mới sanh khởi. Học tốt đẹp như thế, Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu học, Khổng Tử hiểu học, Mạnh Tử hiểu học. Quý vị thấy trong Luận Ngữ, Phu Tử đã nói: “*Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm, dĩ tư vô ích, bất như học dã*” (Ta thường suốt ngày không ăn, suốt đêm không nghỉ để suy nghĩ vô ích, chẳng bằng học vậy). Suốt ngày đêm chẳng ăn uống, chẳng ngủ nghỉ, cứ suy nghĩ, đương nhiên là suy nghĩ rất nhiều. Cuối cùng kết luận: “*Chẳng có lợi ích gì! Chẳng bằng học hành*”. Học gì vậy? Học theo thánh nhân, học theo hiền nhân.

Khổng phu tử học Nghiêu, Thuấn, học Châu Công. Trong tâm mục của Ngài, ba vị ấy đáng bội phục nhất, đáng ngưỡng mộ nhất. Châu Công phò tá Châu Thành Vương. Thuở đầu, ông giúp đỡ anh mình, tức Châu Vũ Vương. Châu Công là em của Vũ Vương. Vũ Vương chết đi, ngôi vua truyền cho con. Châu Công là chú của Thành Vương, phò tá cháu, thật sự là bậc thánh nhân. Khổng Tử rất muốn học theo Châu Công, chẳng có ai dùng Ngài! Nếu thuở ấy có chư hầu dùng Khổng Tử, địa vị của Khổng Tử trong xã hội sẽ chẳng giống như hiện thời. Trong sự suy nghĩ của chúng tôi, [nếu được chư hầu sử dụng], Khổng Tử sẽ là nhân vật bậc nhất như Châu Công, Quán Trọng, Gia Cát Lượng, là danh thần một thuở, chẳng thể nào trở thành Vạn Thế Sư Biêu, chẳng thể nào!

Vì Thích Ca Mâu Ni Phật có quan niệm hoàn toàn khác với Khổng Tử, đương nhiên là có sự nhận thức khác hẳn. Hơn nữa, Thích Ca Mâu Ni Phật tâm lượng rộng lớn, đúng như trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên đã nói: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Chẳng có giới hạn quốc gia, chẳng có giới hạn chủng tộc, cũng chẳng có giới hạn tôn giáo, tín ngưỡng. Chúng ta xem kinh Phật, sẽ thấy: Thuở đó, khá nhiều tín đồ tôn giáo, hoặc người lãnh đạo tôn giáo, hoặc những thầy truyền giáo đều đến bái Thích Ca Mâu Ni Phật làm thầy, tự mình tình nguyện làm học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, học tập theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Có thay đổi tôn giáo của người ta hay không? Chẳng có! Vì thế, Phật giáo chẳng phải là một tôn giáo, Phật giáo là giáo dục. Quý vị thấy kinh có nói, trong kinh Địa Tạng mà mọi người thường niệm, cô gái Bà La Môn và cô Quang Mục đều chẳng phải là Phật tử, đều là những tín đồ giáo khác đến học Phật. Chúng ta xem năm mươi ba lần tham học [của Thiện Tài Đồng Tử] trong kinh Hoa Nghiêm, [sẽ thấy] bà-la-môn Thắng Nhiệt và ngoại đạo Biên Hành đều là những nhà truyền giáo hoặc nhân vật lãnh đạo của các tôn giáo thuở ấy, đều làm học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thay đổi tín ngưỡng tôn giáo của họ. Quý vị tin theo tôn giáo nào cũng đều được, Phật giáo nhằm nâng cao đạo đức và trí huệ của quý vị. À! Chúng ta nghỉ ngơi mười phút.

\*\*\*

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Tiếp tục xem phần thứ tư, tức phần Giải Phương của phẩm Tịnh Hạnh. Xin xem lời Sớ:

**(Sớ) Giải phương giả, vấn: “Văn trung diễn biện nhất bách dư nguyện, hà hữu hạnh da?”**

(疏)解妨者，問，文中但辨一百餘願，何有行耶。

**(Sớ: Giải thích nhằm đoạn trừ chướng ngại. Hỏi: “Trong kinh văn chỉ biện định hơn một trăm nguyện, há có hạnh u?”)**

Ý nghĩa của lời hỏi rất rõ ràng. Do phẩm kinh này có tất cả một trăm bốn mươi một nguyện, bèn thắc mắc: Những nguyện ấy chẳng nói đến hạnh, có sao nói là phẩm Tịnh Hạnh? Vì sao không nói là phẩm Tịnh Nguyện, mà nói là phẩm Tịnh Hạnh? Dưới đây, Thanh Lương đại sư đã giải đáp, giả thiết là có người hỏi như thế.

**(Sớ) Đáp: Văn trung biện hạnh, lược hữu số trùng, vị tỵ sở lịch sự trung, thí tự xuất gia, chung u ngoại giác, giai sự hạnh dã.**

(疏)答，文中辨行，略有數重，謂就所歷事中，始自出家，終於臥覺，皆事行也。

**(Sớ: Đáp: Kinh văn biện định về Hạnh, nói đại lược là có đến mấy tầng, nghĩa là lần lượt trải qua các sự, bắt đầu từ xuất gia cho đến cuối cùng là nằm mà giác ngộ (thị hiện nhập Niết Bàn) đều là Hạnh thuộc về mặt Sự vậy).**

Đây là Sự, có sao [nói là] chẳng có Hạnh cho được? Ở đây, Thanh Lương đại sư đã chỉ rõ: Xác thực là Nguyện và Hạnh chẳng tách rời, nói chung là có mười bốn chuyện, giống như cách sắp xếp trong Đệ Tử Quy vậy. Đệ Tử Quy có tất cả bảy chuyện, gồm một trăm mười ba câu. Phẩm kinh này có tất cả một trăm bốn mươi một bài kệ, trong ấy nói tới mười bốn chuyện. Trước hết, chúng tôi nói sơ lược; sau đây, đối với từng đoạn kinh văn [qua phân tích, quý vị] sẽ đều có thể nhìn ra được.

Hạnh có Sự Hạnh, Lý Hạnh và Trí Hạnh, đó là ba loại. Loại thứ tư là Đại Bi Hạnh, thứ năm là Bi Trí Vô Ngại Hạnh. Lại có Chỉ Hạnh, Quán Hạnh, Chỉ Quán Song Vận Hạnh. Trong Tam Quán, có Giả Quán, Không Quán, và Trung Quán. Có Tam Đế Quán Hạnh, đó là Nhất Tâm Tam Quán. Có Thập Độ Tề Tu Hạnh (hạnh mười độ đều cùng tu), có Tứ Hoàng Thệ Nguyện Hạnh, sao lại bảo là chẳng có Hạnh? Quý vị thấy nói gộp lại, sẽ gồm mười bốn điều. Mười bốn Hạnh ấy thuộc trong một trăm bốn mươi một nguyện, nhất định là trước hết phải hiểu rõ ràng. Nếu không, người ta đọc phần kinh văn này, rất có thể là sẽ nêu câu hỏi như thế này: Trong ấy có Nguyện mà chẳng thấy có Hạnh!

Chúng ta xem phần giải đáp trong lời Sớ. “*Văn trung diễn Hạnh, lược hữu số trùng*” (Kinh văn biện định về Hạnh, đại lược có mấy tầng). Điều thứ nhất là “*vị tỵ sở lịch sự trung, thí tự xuất gia*” (nghĩa là trong các sự đã được trải qua,

bắt đầu từ xuất gia), những điều này đều là Sự, “*chung u ngoạ giác*” (kết thúc bằng nằm mà giác ngộ). Đây là nói về cuộc đời Thích Ca Mâu Ni Phật từ khi xuất gia cho đến khi lão nhân gia viên tịch, thị hiện nhập Bát Niết Bàn tại Song Thụ Lâm, thấy đều là hạnh, hiện tướng cho chúng ta thấy.

**(Sớ) *Tri gia tánh Không, Lý Hạnh dã. Xúc cảnh bất mê, thiện đạt Sự Lý, Trí Hạnh dã.***

(疏)知家性空理行也。觸境不迷善達事理智行也。

(Sớ: *Biết tánh của nhà là Không, tức Lý Hạnh. Tiếp xúc cảnh chẳng mê, khéo thông đạt sự lý, tức Trí Hạnh*).

Trong bài kệ tụng [đầu tiên của phẩm Tịnh Hạnh], “*tri gia tánh Không*” (biết tánh của nhà là Không) thuộc loại Lý Hạnh. “*Xúc cảnh bất mê, thiện đạt Sự Lý*” (Tiếp xúc cảnh chẳng mê, khéo thông đạt Sự Lý) chính là Trí Hạnh. Chúng ta có Sự mà chẳng hiểu Lý. Người trong thế gian, có ai chẳng có nhà? Chẳng biết tánh của nhà là Không, chẳng biết! Nhà là “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”. Nhất là đối với người hiện thời, người hiện thời cũng dần dần có quan niệm yếu ớt, hời hợt đối với nhà! Chỗ nào là nhà? Trong một đời, chẳng biết đã dọn nhà bao nhiêu lần? Chỗ nào là nhà? Thường xuyên dọn nhà có ưu điểm là dễ thấu hiểu tánh của nhà là Không, quan niệm [chấp trước] đối với nhà dần dần nhẹ mỏng. Chẳng giống như trong xã hội trước kia. Xã hội xưa kia nói đến “*lão gia*” (老家, quê nhà), sông tại một nơi, hễ sông ở đâu, bèn sông suốt mấy trăm năm, con cháu đời đời truyền thừa, ở đâu cũng có thể thấy những gia tộc lâu đời lưu truyền đến ba trăm năm. Đó là “*gia*”.

Có lần, tôi đến chơi Hoàng Sơn. Sau khi xuống núi, đến thăm khu văn hóa Huy Châu ở Hoàn Nam<sup>3</sup>. Nghe nói hiện thời họ còn giữ được khoảng từ mười mấy đến hai mươi thôn trang, là những nơi ở xưa cũ từ ba trăm năm trở lên, rất đáng đến thăm viếng. Tuy người nhà ra ngoài làm việc, buôn bán, viễn du, cuối cùng đều là “*lá rụng về cội*”. Ở bên ngoài đều là tạm cư, lữ du, thật sự có nhà! Suốt cả một đời vì gia tộc phục vụ, suốt một đời chẳng quên quê nhà. Loại tình cảm thân thiết ấy, nói thật ra là do truyền thống giáo dục Trung Hoa hun đúc thành công. Sau khi thấy như vậy, chúng tôi rất xúc động, rất đáng khiến cho kẻ khác hâm mộ. Đó là cơ sở để xã hội an định và thế giới hài hòa, chúng ta chẳng thể không coi trọng!

Hiện thời, thế giới này động loạn, là do nguyên nhân nào? Chẳng có nhà! Giống như cây cỏ chẳng có rễ, như bèo trôi trên mặt nước, sóng cuốn bồng bênh, chẳng có gốc rễ! Chẳng có rễ, sẽ không tăng trưởng được! Nỗ lực suốt một đời mà chẳng có thành tựu. Hiện thời, có rất nhiều đại xí nghiệp chẳng thể sánh bằng

---

<sup>3</sup> Hoàn Nam (皖南) là khu vực phía Nam Hoàng Sơn ở tỉnh An Huy. Thông thường, Hoàn Nam bao gồm vùng đất từ Trường Giang cho đến các thành phố Mã Yên Sơn, Vu Hồ, Đồng Lăng, Tuyên Thành, Hoàng Sơn và Trì Châu. Thánh địa Cửu Hoa Sơn cũng thuộc trong khu vực này. Cửu Hoa Sơn thuộc huyện Thanh Dương, trực thuộc thành phố Trì Châu.

những tiệm buôn xưa cũ của Trung Hoa. Những cửa hàng xưa cũ, con cháu đòi đòi có người truyền thừa. Tiệm xưa, bảng hiệu xưa, còn các xí nghiệp kinh doanh hiện thời, do chẳng phải là xí nghiệp của gia đình, mà do nhiều cổ đông (股東, kẻ góp vốn) hợp thành. Nếu chẳng có người thừa kế tốt đẹp, thường là khi chính mình đã già, công ty phải sập tiệm, tuyên bố phá sản. Tốt hơn một chút thì phải cải tổ, chẳng giống như thời cổ. Nói cách khác, sự nghiệp hiện đại trôi nổi, sự nghiệp thời cổ là có căn bản. Sáng lập cơ nghiệp gian nan, giữ gìn những gì đã thành tựu chẳng dễ dàng. Do vậy, hết sức coi trọng giáo dục. Chuyện này có lý lắm!

“*Thiện đạt sự lý*” (Khéo thông đạt sự lý). Trong câu này, quan trọng nhất là Thiện. Phương tiện thiện xảo, thông đạt Sự Lý. Trong cuộc sống, trong công việc, trong đãi người, tiếp vật, người ấy đều có thể làm hết sức viên mãn, đây mới gọi là Thiện. Do vậy, Thiện là vận dụng trí huệ cao độ, vận dụng viên mãn. Từ những việc làm của Phật, của Bồ Tát, chúng ta quan sát cẩn thận, sẽ có thể thấy, thấu hiểu Thiện có ý vị như thế nào. Đó gọi là Trí Hạnh.

Đoạn thứ hai nói:

***(Sớ) Dĩ Nguyện đạo Trí, bất trệ tự lợi, Đại Bi Hạnh dã. Thượng nhị Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh dã.***

(疏)以願導智不滯自利大悲行也。上二不二悲智無礙行也。

*(Sớ: Dùng Nguyện để hướng dẫn Trí, chẳng vướng vào tự lợi, chính là Đại Bi Hạnh. Hai điều trên đây chính là Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh).*

Trí chẳng thể không có Nguyện. Nếu Trí chẳng có Nguyện, sẽ chẳng khởi tác dụng. Vì thế, ở đây, kinh nói một trăm bốn mươi một nguyện, dùng Nguyện để hướng dẫn trí huệ khéo thông đạt Sự Lý! Trí huệ bèn nảy sinh sự viên dung vô ngại nơi sự tướng, đạt tới hiệu quả thật sự đáng gọi là “*tận thiện, tận mỹ*”. Do vậy có thể biết, Trí, Nguyện, Hạnh tuy một mà ba, tuy ba mà là một. Vì thế, người ấy chẳng dừng nơi tự lợi, mà niệm niệm đều nhằm lợi ích chúng sanh, tức lợi tha. Tự lợi là lợi tha, lợi tha là tự lợi, tự và tha chẳng hai! Chẳng giống như phàm phu, Tiểu Thừa! Tiểu Thừa phần nhiều tự lợi, ít lợi tha. Phàm phu càng chẳng cần phải nói nữa! Tự lợi chiếm tám mươi phần trăm, lợi tha có thể đạt tới hai mươi phần trăm là đã khá quá rồi, hãy còn biết nghĩ tới người khác! Có kẻ thật sự thuần là tự lợi, chẳng có ý nguyện lợi tha. Hễ làm một tí chuyện tốt hòng lợi tha đều là có điều kiện. Đối với chuyện tốt mà chẳng có điều kiện thì một cái lông cũng chẳng nhỏ<sup>4</sup>, chẳng chịu làm, [khi] hưởng hết phước báo, quả báo sẽ là trong tam đồ. Điều này thuộc Đại Bi Hạnh. “*Thượng nhị Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh dã*” (Hai loại trên đây, chính là Bất Nhị Bi Trí Vô Ngại Hạnh): Đây là Đại Bi Hạnh và Bi Trí Vô Ngại Hạnh, thuộc loại thứ ba.

Câu thứ ba dưới đây nói về Chỉ Quán.

---

<sup>4</sup> Đây là cách nói của Dương Chu, người chủ trương thuyết Vị Ngã (tức ích kỷ đến tột cùng). Ông ta nói để làm lợi cho người khác dầu nhỏ nhất như nhỏ một cái lông cũng không làm!

**(Sớ) Ngộ vi thuận cảnh, tâm bất trì tán, Chỉ Hạnh dã.**

**(疏) 遇違順境，心不馳散，止行也。**

**(Sớ: Gặp cảnh thuận thảo hay trái nghịch, tâm chẳng tán loạn. Đó là Chỉ Hạnh).**

“Ngộ vi” (遇違) là gặp phải nghịch cảnh mà chính mình chẳng ưa thích. “Thuận” (順) là thuận cảnh, thứ gì đều vừa lòng, tâm chẳng tán loạn. Điều này có nghĩa là: Ở trong nghịch cảnh, chẳng sanh lòng sân hận; trong thuận cảnh, chẳng dấy lòng tham ái. Tâm chẳng tán loạn, vĩnh viễn gìn giữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” của chính mình. Điều này thuộc loại Chỉ Hạnh. Sách Đại Học có nói: “*Tri Chỉ nhi hậu hữu Định, Định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc*” (Do đã biết ngưng dứt, nên sau đó bèn có Định. Sau khi đã Định, bèn có thể tĩnh. Sau khi đã có thể tĩnh, bèn có thể an. Sau khi đã an, sẽ có thể suy nghĩ. Sau khi đã suy nghĩ, sẽ có thể đạt được). “Lự” (慮) chính là trí huệ sanh khởi.

**(Sớ) Trí bất trầm một, Quán Hạnh dã.**

**(疏) 智不沈沒，觀行也。**

**(Sớ: Trí chẳng chìm đắm, chính là Quán Hạnh).**

“Trầm một” (沈沒) là trí chẳng khởi tác dụng. Chẳng có đại nguyện lợi ích chúng sanh, trí sẽ đắm chìm. Đắm chìm là chẳng có phương tiện thiện xảo. Chẳng đắm chìm! Trí đối ứng Sự là phương tiện thiện xảo, viên dung tự tại, viên dung vô ngại. Đây là Quán Hạnh.

**(Sớ) Tức Chỉ Quán song vận hạnh dã.**

**(疏) 即止觀雙運行也。**

**(Sớ: Chính là cùng vận dụng Chỉ Hạnh và Quán Hạnh).**

Đây là tổng kết phần trên. “*Chỉ Quán song vận*” là trong Chỉ có Quán, trong Quán có Chỉ. Quán (觀) là rành mạch, minh bạch, Chỉ (止) là như như bất động. Chỉ Quán là Thiền Định, dịch theo ý nghĩa này. Thiền Định là danh từ dịch từ tiếng Phạn. Thiền (Dhyana) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán, có ý nghĩa là Quán, ngụ ý “hiểu rõ”. Vì thế, Thiền Na được dịch thành Tĩnh Lự. Tĩnh (靜) là Chỉ, Lự (慮) là Quán, Lự là hiểu rõ. Cũng là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (Chẳng giữ lấy tướng, như như bất động). “Chẳng giữ lấy tướng” là không chấp tướng. “Không chấp tướng” là Thiền, “như như bất động” là Định. “Chẳng chấp tướng” là Quán, “như như bất động” là Chỉ. Chỉ và Quán cùng vận dụng, trong Quán có Chỉ, trong Chỉ có Quán. Quán là Huệ, Chỉ là Định. Quán là điều gì cũng đều biết rõ ràng, đều hiểu rõ; Chỉ là như như bất động. Chẳng khởi tâm, không động niệm, há có phân biệt, chấp trước? Phật



pháp nói “*tu hành*”, tu gì vậy? Tu những điều này! Chỉ là danh tướng được nói bởi các tông, các phái, các pháp môn chẳng giống nhau; thật ra, ý nghĩa đều như nhau.

Quý vị nói xem: Pháp môn Niệm Phật, tu Tịnh Độ của chúng ta là tu gì vậy? Kinh Di Đà đã dạy rất rõ ràng: “*Nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*”. Nhất tâm là Chỉ, bất loạn là Quán; nhất tâm là Định, bất loạn là Huệ, Định và Huệ cùng vận dụng. Nay chúng ta niệm Phật, chỉ là niệm A Di Đà Phật. Trong A Di Đà Phật không có Chỉ mà cũng chẳng có Quán, cho nên niệm suốt một đời, ngay cả công phu thành phiền cũng chẳng đạt được! Nguyên nhân là gì? Chẳng biết niệm! Học theo người khác niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, trong ấy chẳng có Định và Huệ, cho nên chẳng thể thành tựu. Đối với Định, Huệ, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý và phương pháp niệm Phật. Quý vị phải hiểu vì sao cần niệm Phật? Dùng phương pháp Niệm Phật để tu Thiền Định, tu Định Huệ đẳng trì (giữ cho Định và Huệ cân bằng), Định và Huệ cùng vận dụng. Chúng ta phải chọn lấy phương pháp này, phương pháp Trì Danh Niệm Phật rất thuận tiện! Dùng phương pháp này để tu Thiền Định. Dùng phương pháp này để tu Bát Nhã. Dùng phương pháp này để tu Chỉ Quán, phải hiểu điều này. Sau khi đã hiểu, quý vị gặp các pháp môn khác thì mới có thể như như bất động, chẳng do dự, sẽ chẳng tam tâm nhị ý [đến nỗi] bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, thâm nhập một môn, thành tựu cuối cùng hoàn toàn như nhau. Vì thế mới nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Tu thành công, quyết định là bình đẳng. Khi chẳng thành công, dường như là có cao hay thấp. Thật ra, chẳng có cao thấp, phải biết điều này!

***(Sớ) Hựu đối w sự cảnh, thiện liễu tà chánh. Đương nguyện chúng sanh, giai Giả Quán dã.***

***(疏)又對於事境，善了邪正，當願眾生，皆假觀也。***

***(Sớ: Lại nữa, đối với sự cảnh, khéo hiểu rõ tà, chánh, “hãy nên nguyện cho chúng sanh” đều là Giả Quán).***

Đây là nói theo giáo nghĩa Thiên Thai, Tam Chỉ Tam Quán. Một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm kinh này thấy đều trọn đủ [Tam Chỉ, Tam Quán]. Đối với sự cảnh, sự hạnh, sáu căn của chúng ta đối ứng với cảnh giới bên ngoài, đó là “*sự cảnh*”, khéo hiểu rõ tà và chánh. Người thế gian như Nho gia [chẳng hạn] có thể hiểu rõ tà và chánh, nhưng chẳng phải là khéo hiểu rõ! Chữ Thiện hay khéo cùng cực, thế nào là Thiện Liễu (善了)? Thiện (善) chính là trí huệ chân thật, thấy thấu suốt vạn sự vạn vật. Có tà hay không? Có chứ! Có chánh hay không? Có chứ! Tướng có, Tánh không! Tánh Không: Tánh của tà là trọn chẳng thể được, mà tánh của chánh cũng là trọn chẳng thể được. “*Tánh chẳng thể được*” chính là Pháp Tánh, là chân tánh. Trong tánh, chẳng có tà hay chánh. Do đâu mà có tà và chánh? Từ giác và mê mà có; trong pháp tánh, chẳng có [tà hay chánh]. Đã giác, chẳng có một pháp nào bất chánh. Mê rồi, chẳng có pháp nào không tà! Đó là chân tướng sự thật. Sau khi đã liễu giải, sẽ đối với chánh pháp như như bất

động, mà đối với tà pháp cũng là như như bất động. Đây là cảnh giới gì? Cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát.

Nói theo phía chúng sanh trong lục đạo, sẽ là khuyên họ cái tà quy chánh, vì sao? Do tà tri, tà kiến, tà hạnh, mà cảm khổ báo trong địa ngục. Do chánh tri, chánh kiến, chánh hạnh, sẽ cảm vui phước báo nhân thiên. Tuy đều là giả, đều chẳng thật, nhưng khổ và lạc khác nhau! Lục đạo đều chẳng thật. Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo*”, nằm mộng mà! Nhưng đối với người này, mộng thấy mộng đẹp, kẻ kia mơ thấy ác mộng! Khuyên can bọn họ, đối với người đang gặp ác mộng, chẳng bằng mơ một giấc mộng đẹp. Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh trong lục đạo là do ý nghĩa như thế đó. Đây đều là phương tiện quyền xảo, mục đích thật sự là khiến cho quý vị giác ngộ, khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật. Sau đây, bản thân quý vị phát nguyện, lìa bỏ lục đạo luân hồi, từ trong giấc mộng lớn tỉnh lại. Đó là ý nghĩa thật sự của việc Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh. Bảo quý vị đoạn ác tu thiện, chẳng đọa trong ba ác đạo, sanh trong thiện đạo; đây là phương tiện, tạm thời. Vì quý vị vẫn chưa đạt đến trình độ này, vẫn chưa trông thấy, vẫn chưa lãnh hội được. Do vậy, hoàn toàn nương theo căn tánh của chúng sanh, nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân hình ấy, nên dùng phương pháp gì để đắc độ, bèn nói pháp ấy. Phật, Bồ Tát chẳng có thân tướng nhất định, chẳng có hình tướng, mà cũng chẳng có pháp nhất định để có thể nói, đó là Thiện! Trí huệ của chúng ta dẫu cao tới đâu đi nữa, phương pháp dẫu xảo diệu cỡ nào đi nữa, hễ đem so với Phật, Bồ Tát, chúng ta cũng là rất vụng về, chẳng phải là khéo hiểu, mà là ngốc nghếch, vụng về. Đây là Giả Quán. Từ câu “*đương nguyện chúng sanh*” trở đi, quý vị đều có thể thấy, [đó chính là] Giả Quán.

**(Sớ) Tri thân không tịch, tâm vô nhiễm trước, Không Quán đã.**

**(疏)知身空寂，心無染著，空觀也。**

**(Sớ: Biết thân rỗng rang, vắng lặng, tâm chẳng đắm nhiễm, chính là Không Quán).**

Kinh Kim Cang nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Có thân hay không? Có thân, thân là “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”. Khoa học hiện thời có thể chứng thực chuyện này. Thân thể của chúng ta và tất cả vạn sự, vạn vật sanh diệt trong từng sát-na, chẳng phải là vĩnh hằng. Vì thế, Phật pháp thường nói: “*Chư pháp vô thường*” (Các pháp vô thường), “*vô thường*” tức là nó chẳng tồn tại vĩnh cửu. Phải nói lời thật cùng quý vị: Căn bản là nó chẳng tồn tại! Có sao chẳng tồn tại? Sanh diệt trong từng sát-na! Hết thấy vạn sự vạn vật, tất cả các hiện tượng trong thế gian, xác thực là giống như chúng ta nhìn những hình ảnh trên màn hình của TV, hay trên màn bạc của phim ảnh. Đúng là như thế đó, sanh diệt trong từng sát-na. Vì tốc độ sanh diệt của chúng quá nhanh, mắt chúng ta chẳng có cách nào cảm nhận được, chẳng nhận biết chúng là sanh diệt, cứ ngỡ chúng là chân thật. Tướng trong điện ảnh thô thiển, một giây sanh diệt hai mươi bốn lần, chúng ta xem phim đã chẳng biết tướng sanh

diệt ấy. Tốc độ của hình ảnh trên TV nhanh hơn, mọi người đều biết nguyên lý ấy: Từ những điểm (pixel) biến thành tia, từ tia biến thành mặt<sup>5</sup>. Tốc độ ánh sáng quá lớn, một giây là ba mươi vạn cây số. Vì thế, màn ảnh huỳnh quang chẳng lớn, do bao nhiêu tia sáng hợp thành? Mọi người cũng biết chuyện này, dùng tốc độ của sóng điện từ. Tốc độ của sóng điện từ chẳng kém tốc độ ánh sáng cho mấy. Vì thế, nó chỉ là một phần ngàn giây, hoặc một phần vạn giây, hình ảnh [hiện ra] cũng rất đầy đủ, làm sao quý vị biết nó là giả cho được!

Trong cuộc sống hiện thực của chúng ta, những thứ “*hiện thực*” đều là giả định, há có hiện thực? Đều là nói phương tiện, đừng coi là thật, chẳng có hiện thực đâu nhé! Tất cả hết thấy các hiện tượng trong hoàn cảnh hiện thực, nói theo kinh Nhân Vương, chúng tôi đã từng giảng kinh Nhân Vương, là do đức Thế Tôn nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Nói phương tiện thì dùng Toán Học hiện thời để tính toán: Trong một giây, sanh diệt bao nhiêu lần? Trong một giây là hai lần mười vạn tám ngàn ( $2 \times 108.000 = 216.000$ ). Nói cách khác là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt, vẫn ít hơn khi so với ánh sáng và sóng điện từ! Ánh sáng trong một giây đi được ba mươi vạn cây số (300.000km). Trong kinh Nhân Vương, đức Phật đã nói: Hiện tượng sanh diệt của hết thấy vạn sự vạn vật, trong một giây là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Đây là đức Thế Tôn nói phương tiện. Trên thực tế thì sao? Trên thực tế, trong hiện thời, tướng của tất cả hết thấy mọi vật sanh diệt trong một phần ngàn vạn giây, một phần ức vạn giây, một phần trăm ức vạn, hoặc một phần ngàn ức vạn của một giây, chẳng có cách nào tương tượng được! Do vậy, trong kinh Phật có một câu rất hay: “*Sanh diệt đồng thời*”. Có sanh diệt hay không? Có sanh diệt, nhưng gần như chẳng có cách nào cảm nhận hiện tượng sanh diệt ấy. Vì thế, chúng ta thấy tướng tượng tục (tướng liên tục tồn tại), bèn tưởng là chân thật. Trên thực tế, toàn là tướng tượng tục sanh diệt, tốc độ quá nhanh mà!

Các khoa học gia hiện thời đã biết điều này, cũng hiểu tất cả các hiện tượng đều chẳng thật. Đặc biệt là khoa học gia cận đại đã nêu báo cáo: Không gian chẳng có thật. Thời gian cũng chẳng thật. Chư vị phải biết: Có thứ gì có thể lia khỏi thời gian và không gian? Đã là không gian và thời gian chẳng có thật, vậy thì vạn sự vạn vật đương nhiên cũng chẳng phải là thật! Không gian và thời gian giống như màn ảnh huỳnh quang, vạn sự vạn vật giống như tướng được hiện trên

---

<sup>5</sup> Đây là nói theo cách hiển thị hình ảnh của các loại TV kiểu cũ, tức loại màn hình còn sử dụng loại bóng đèn bầu to (CRT- cathode-ray tube), không phải các loại TV sử dụng màn hình LED hoặc HDMI như hiện thời. Khi TV nhận được tín hiệu truyền đến, nó sẽ tách các hình ảnh thành nhiều luồng điện tử truyền dọc theo cuống bóng đèn hình. Các điện cực có từ tính sẽ tách các luồng điện tử thành tia, bắn thẳng vào màn hình quang đã phủ một lớp hóa chất (thường gọi là phosphors) để tạo nên những chấm sáng. Chúng sẽ được điều khiển để quét ngang màn hình theo từng hàng một cho đến hết với tốc độ rất nhanh để tạo thành hình ảnh. Do vậy, xem TV theo lối cũ hoặc nhìn vào màn hình máy điện toán (monitor) kiểu cũ sẽ mỏi mắt vì chúng chớp nháy liên tục.

màn ảnh huỳnh quang. Nếu màn ảnh huỳnh quang đã chẳng có, lấy đâu ra hiện tượng? Phải hiểu đạo lý này!

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã bảo chúng ta: Vạn hữu trong vũ trụ và sanh mạng do đâu mà có? Các nhà khoa học xưa nay đã thăm dò cả trăm, cả ngàn năm, [nêu ra] khá nhiều cách giải thích, nhưng đều chẳng thể khiến cho người ta tâm phục, khẩu phục. Xác thực là chỉ có mình Phật pháp, sau khi quý vị đọc, đứng là chẳng bàn ra tán vào được nữa, Phật pháp nói hay quá! Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng: Từ một niệm bất giác mà sanh. Một niệm bất giác được gọi là vô minh. “*Vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng. Cảnh giới làm duyên, tạng trưởng sáu thô tướng*”. Đây là nói về sự hình thành của vũ trụ, cũng như cội nguồn của sanh mạng, [chính là] ba tế tướng, sáu thô tướng. Ba tế tướng và sáu thô tướng nói theo thời gian, sẽ là hình thành trong một phần ức vạn giây. Bởi thế, tất cả các hiện tượng đều là động, chẳng có thứ gì bất động. Thứ gì bất động? Pháp Tánh bất động. Pháp Tánh giống như Chân Không mà chúng ta đang nói trong hiện thời, nó là thật, bất động. Trong Chân Không, tất cả hết thấy các hiện tượng đều là động, vì sao? Vô minh là động. Tất cả hết thấy các hiện tượng thấy đều phát sanh từ vô minh, bản thể của vô minh là động, [vậy thì] các hiện tượng được phát sanh bởi nó, có lẽ nào bất động cho được? Khoa học hiện thời nói đến sự dao động. Toàn thể đại vũ trụ, nói theo nhà Phật chính là “*y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới*” đều là các hiện tượng dao động. Ngoại trừ sự dao động, thứ gì cũng đều chẳng có! Các nhà khoa học cận đại đã nói rất chính xác, kinh Phật nói theo kiểu ấy.

Do đó, sau khi quý vị đã biết chân tướng, sẽ bất động, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa, chớ nên có phân biệt, chấp trước nữa, đã thật sự giác ngộ. Không Quán là giác ngộ. Biết vạn sự vạn tượng rốt ráo là chuyện như thế nào, há còn so đo cùng kẻ khác ư? Đạt đến cảnh giới ấy, tâm quý vị đã định, quý vị mới thật sự có thể đạt đến tự tại tùy duyên. Trong mười nguyện Phổ Hiền, có hai nguyện dạy chúng ta: “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Chúng sanh thiện tâm, bèn tùy thuận họ; chúng sanh tạo ác thì cũng tùy thuận kẻ đó, vì sao? Biết kẻ đó tạo ác hay làm lành, đều là không tịch, chẳng có một pháp nào là chân thật! Quý vị tùy thuận họ, giúp đỡ họ. Hễ tùy thuận, họ sẽ hoan hỷ. Quý vị giáo hóa họ, họ sẽ tiếp nhận; giúp họ giác ngộ, giúp họ liễu giải chân tướng sự thật.

Câu cuối cùng...

**(Sớ) Kiến như thật lý, Trung Quán dã.**

(疏)見如實理，中觀也。

**(Sớ: Thấy lý như thật, đấy là Trung Quán).**

Giả là Sự, Không là Tánh. Lý và Sự chẳng hai, Tánh, Tướng như nhau, đấy là Trung Quán. Điều này được kinh Bát Nhã gọi là “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp). Thấy Lý như thật, thấy Sự như thật, Lý và Sự là một, không hai. Đó là quý vị thật sự thấy Thật Tướng của các pháp. Nói đến ý nghĩa “*thấy thật lý của các pháp*” thì Thật Tướng chính là Sự và Lý thấy đều hiểu rõ. Giáo

Hạ gọi cảnh giới như vậy là “đại khai viên giải”. Tri kiến của quý vị đã viên, chẳng có thiên kiến, viên dung vô ngại. Thiên Tông [gọi cảnh giới ấy] là “*minh tâm kiến tánh*”. Danh từ khác nhau! Trong Tịnh Độ Tông gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*”, cảnh giới giống hệt. Ba thứ danh tướng khác nhau, cùng là một chuyện! Vì thế mới nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao, thấp*”. Vấn đề là chúng ta phải biết học.

Kế đó, lại nói đến phương thức tu hành của tông Thiên Thai, căn tánh của mỗi người khác nhau:

**(Sớ) *Hoặc tiên Không, hậu Trung, hoặc nhất, hoặc nhị, hoặc nhất niệm đốn cụ.***

(疏)或先空後中，或一或二，或一念頓具。

(Sớ: *Hoặc là trước [tu tập] Không, sau [tu tập] Trung, hoặc chỉ tu một pháp, hoặc tu hai pháp, hoặc trong một niệm nhanh chóng có trọn đủ [cả ba phép Quán]).*

Căn tánh không giống nhau. Có người thuộc loại căn tánh trước là tu Không Quán, sau tu Trung Quán. Lại có một loại căn tánh, trước là tu Giả Quán, sau là tu Trung Quán. Hoặc là có loại người chỉ tu một phép Quán, tu Giả Quán, hoặc Không Quán, hoặc tu Trung Quán, chỉ có tu một phép Quán, hoặc tu cả hai phép Quán. Trong thí dụ vừa mới nêu, người ấy [tu tập] có trước sau, còn “*hoặc nhị*” (或二) chính là đồng thời. “*Hoặc nhất niệm đốn cụ*” chính là Tam Quán đồng thời, tông Thiên Thai gọi cách này là Nhất Tâm Tam Quán. Tam Quán đồng thời là bậc căn cơ nhạy bén nhất, tốc độ nhanh nhất. Kế đó nói:

**(Sớ) *Tư vi diệu đạt Tam Đệ Quán chi hạnh dã.***

(疏)斯為妙達三諦觀之行也。

(Sớ: *Đây chính là hạnh để khéo đạt đến Tam Đệ Quán.*)

Nói rõ một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh tương ứng với Thiên Thai Giáo Quán. Tam Đệ Tam Quán của tông Thiên Thai: Chân Đệ, Tục Đệ, Trung Đệ [là Tam Đệ]. Danh tự của Tam Quán trong phần trước đã có, tức Giả Quán, Không Quán và Trung Quán, đều được bao gồm trong ấy. Nói rõ một trăm bốn mươi một chuyện này triển khai ra, sẽ chẳng sót một chuyện nào trong khắp pháp giới hư không giới. Nó được gọi là Phổ Hiền Hạnh, là cơ sở của Phổ Hiền Hạnh, hoặc là Đệ Tử Quy trong Phổ Hiền Hạnh Môn! Chúng ta muốn học kinh Hoa Nghiêm, quý vị phải biết nhập môn từ chỗ này. Nhưng quý vị chớ nên không biết cơ sở này, cơ sở này được kiến lập trên Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Quý vị thấy đức Thế Tôn giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói tuyệt hay: “*Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề*”, đó là Tiểu Thừa. “*Vô Thượng Bồ Đề*” chính là Đại Thừa, cho đến pháp nhân thiên, cho nên biến thành Ngũ Thừa, không gì chẳng lấy Thập Thiện làm căn cơ. Thập Thiện Nghiệp Đạo là pháp cơ

bản của Phật pháp, là Đệ Tử Quy của toàn thể Phật pháp. Chẳng có Thập Thiện, trong kinh này, đức Phật đã sánh ví Thập Thiện như đại địa, coi hết thấy các pháp ví như cây cối, hoa cỏ, hết thấy chúng sanh trên mặt đất. Hết thấy chúng sanh, cây cối hoa cỏ đều phải nương cậy đại địa thì mới có thể sanh trưởng, mới có thể kiến lập. Chẳng có đất, thứ gì cũng đều chẳng có. Vô lượng pháp môn đều nương vào Thập Thiện Nghiệp Đạo để kiến lập. Vô Thượng Phật quả, Bồ Tát quả báo, Thanh Văn, Duyên Giác quả báo, nhân thiên quả báo, thấy đều nương vào Thập Thiện mà thành tựu. Thập Thiện là đại địa! Có sao chúng ta sơ sót? Do sơ sót, hết thấy các pháp tất cả đều hoàn toàn thất bại. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Do vậy, ở đây, Thanh Lương đại sư dùng chữ “*diệu đạt*”, “*đạt*” (達) là thông đạt. Chư vị hiểu: Tu Thiên Thai Chỉ Quán mà muốn có thể tu đến Nhất Tâm Tam Quán chẳng phải là chuyện dễ dàng đâu nhé! Nếu từ phẩm Tịnh Hạnh để tu Tam Chỉ Tam Quán của Thiên Thai Tông sẽ dễ dàng hơn, cho nên gọi là “*diệu đạt*”. Nếu chúng ta mong thành Phật viên mãn ngay trong một đời, pháp môn Niệm Phật là diệu đạt. Trong thời kỳ Mạt Pháp, hết thấy các pháp môn đều chẳng dễ thành tựu. Chỉ riêng pháp môn Niệm Phật là thành tựu ổn thỏa, thích đáng. Đó là ý nghĩa “*diệu đạt*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

**Tịnh Hạnh Phẩm**  
**Phần 1 hết**